

LƯỢC SỔ KINH CHÚ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN HẠ (Phần 2)

Kế sau có hai câu hỏi đáp, hai lớp dứt trừ tướng.

Ban đầu chương Tịnh Nghiệp trừ ngã nhập giác, sau chương Phổ giác nương thầy lìa bệnh, đó đều là chương ngại trong quán hạnh, cho nên đồng với khoa lớn. Trong phần đầu tuy y theo chấp đấm cạn sâu nói có bốn tướng khác nhau nhưng tuy là ngã kiến, nhưng văn kinh ngoài bốn tên nêu riêng, mỗi tiết đều có chữ “ngã”, nếu trừ chấp này liền thành viên giác, nên nói nhập giác, vẫn có bốn: đây là phần đầu của ba phần đầu.

1. Bồ-tát Tịnh Chư nghiệp lễ Phật, thưa hỏi:

Bấy giờ, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng, giống như trên, trình bày từ cú, trong đó có hai:

- Trước chúc mừng.

1) Xin Phật nói rộng việc không thể suy nghĩ bàn luận:

Đại bi Thế Tôn cho chúng rộng việc con nghe nói không thể suy nghĩ bàn luận như thế, trước là nói chung về quán hạnh, một bề xứng lý mà tu, nếu có thể hiểu rõ thì nay trong một về, rộng mở các luân vòng vo khác nhau, khác nhau nhưng không trái một vị, rất là khó thấy, cho nên không thể suy nghĩ bàn luận. Nhân địa hành tướng của tất cả Như lai, xa thành lời đáp cho câu hỏi của Văn-thù, khiến các đại chúng được điều chưa từng có. Nhìn thấy đấng Điều Ngự trải qua cảnh giới siêng khổ số cát sông hằng kiếp, tất cả công dụng giống như một niệm, Bồ-tát chúng con rất tự vui mừng an ủi, ngộ được nhân hạnh, quả đức xứng chân, y theo lý có thể chiếu, nhân hạnh trị nhiễm, hiểu được là khó, nay một niệm đủ biết sáng rõ đều hiện, như bình lưu ly đựng đầy hạt cải,

nên rất vui mừng. Hai là hỏi, văn sau có ba:

2) Bản tánh thanh tịnh, vì sao nhiễm ô:

2) *Chính hỏi:* Bạch Thế Tôn! Nếu tâm giác này bản tánh thanh tịnh, vì sao nhiễm ô? Khiến các chúng sinh mê muội không nhập vào? Ý hỏi trong đây không nói xưa nay đều mê. Ý nói đã biết tánh giác tròn sáng các pháp thanh tịnh, đâu thể nào vào tâm phàm mà không hợp với nguồn, giác làm được việc gì lòng vẫn còn yêu, ghét. Minh, người hoàn toàn khác nhau khó tự nhiên dung hòa, đối với quả nhân cách xa như trời và đất. Tâm giác vốn thanh tịnh ngộ liền ứng đồng, lại có pháp gì nhiễm ô? Khiến ta dụng tâm khác Phật, nên nói vì sao mê muội không nhập vào? Hai là thỉnh sau.

3) Xin Phật giảng nói:

Cúi xin Như lai rộng cho chúng con khai ngộ pháp tánh nghe.

Pháp tánh: là tánh các pháp, nếu nói thẳng bốn thể thì gọi là tánh giác, nếu suy cùng pháp khác nhau, đều không có tự thể, đồng với nhất tánh, tức gọi là pháp tánh, nay phá bốn tướng, mở rộng dung thông các pháp, hoàn toàn đồng tánh giác, cho nên nói khai ngộ pháp tánh. Từ trước văn kinh chỉ nói tánh giác, chỉ có đoạn này nói pháp tánh, ý là ở đây.

3. Tổng kết.

4) Giúp chúng sanh đời mạt pháp:

Làm mất sáng tương lai ở cho đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp này cho, dưới ba lần tuyên bố, mô phỏng theo trước.

Nói lời ấy rồi, năm vốc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Ông mới có thể vì các đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp, thưa hỏi Như lai phương tiện như thế, nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho: Lúc đó, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vui mừng vâng lời và các đại chúng im lặng lắng nghe, là chính nói, trong Văn xuôi có bốn:

1. Nói chung về lý do lỗi lầm.
2. Giải thích riêng bốn tướng.
3. Còn ngã mất đạo.
4. Dứt hoặc thành nhân.

Nói chung bốn tướng, là nguyên do lỗi lầm.

Văn chia hai:

1. Nói về bốn khởi lỗi lầm.
2. Do chúng sanh chấp ngang trái:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, chưa hề chứng ngộ, nên ở dưới có ví dụ người mù bẩm sinh, vọng tưởng chấp hữu: đối với vô chấp một cách ngang trái.

Ngã, nhân, chúng sinh và tuổi thọ, là chỉ chung ngã tướng chỉ do xoay vần y theo nghĩa, nên có bốn tên gọi, bốn tên gọi lại có hai tướng:

1. Mê thức cảnh.
2. Mê trí cảnh.

Ban đầu nói nhận lấy tự thể làm ngã, chấp ngã xoay vần thẳng vào các đường làm người. Chấp ngã thanh suy, các thứ khổ vui, thay đổi nối nhau làm chúng sinh, chấp ngã báo thân, mạng căn không dứt mà trú làm thọ: như hai luận Kim cương đã nói. Mê trí cảnh tức là kinh này nói, đến văn sẽ biết.

3. Cho rằng bốn điên đảo là nhân chân thật:

Cho rằng bốn điên đảo là ngã thể chân thật, chân ngã vốn có, mê nói là không, vọng ngã vốn không, chấp cho là có, cả bốn thứ đều chấp ngang trái, nên nói như vậy.

Hai là nói lỗi lầm, ở đây rất nhiều, văn có bốn:

1. Xoay vần sinh ra vọng.
2. Trái với tâm giác.
3. Động, dứt đều mê.
4. Kết thành chướng đạo.

Ở đây là mới xoay vần: bốn câu đầu do mê khởi hoặc, kể là hai câu, từ hoặc gây ra nghiệp, kể lại hai câu từ nghiệp với lấy quả báo, sau một câu lại ở trang năm đường rơi vào Nhị thừa.

Từ đây liền sinh hai cảnh yêu ghét, nghĩa là do chấp bốn tướng là thật thể của ngã, vì thế với mình sinh yêu, với người sinh ghét, thuận với mình thì yêu, trái với mình thì ghét, yêu ghét như thế đều do chấp ngã, nên nói do đây. Với thể luống dối lại chấp luống dối, bốn đại, năm uẩn mê tánh nên vọng sinh, các duyên giả hợp đã là luống dối, lại đối với đó chấp ngã nhân, nên nói như thế.

4. Hai vọng tưởng nương nhau:

Hai vọng nương nhau sinh nghiệp đạo luống dối, do hai vọng trước, sinh khởi tạo tác các nghiệp luống dối. Nghiệp có công năng dẫn đến quả khổ vui, nên gọi là đạo, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy trôi lăn, nghiệp thành liền chịu sinh tử trôi lăn, sinh tử trôi lăn là quả của chỗ đến.

Nhàm chán trôi lăn: nhằm chán ba cõi không an, đều như nhà lửa,

dứt duyên đoạn hoặc.

5. Thanh văn nguội thân bất trí:

Vọng thấy Niết-bàn, hưởng đến vắng lặng, đắm mê chấp không, mục đích là nguội thân bất trí, nhưng mười câu trên đều là bốn đế sinh diệt trong tông Nhị thừa. Nghĩa là ban đầu sáu câu tập đế, kế là hai câu khổ đế, kế là một câu đạo đế, sau một câu diệt đế. Hai là trái với tâm giác.

Do đây không thể nhập vào thanh tịnh giác, chính là kết thúc trả lời câu hỏi trước, câu hỏi trước nói vì sao mê muội không nhập vào? Nay trả lời: do nhận bốn tướng xoay vần sinh lỗi, dù lìa sáu đường lại rơi vào Nhị thừa, cho nên không nhập vào.

Chẳng phải giác chống lại những người năng nhập, trước hỏi nói nhân nào khiến các chúng sinh không nhập vào. Cho nên ở đây trả lời: chẳng phải giác chống lại không cho vào mà chỉ do nhân ngã nên không nhập vào được. Như nằm mộng thân chưa quên không thể hợp bốn thân, chẳng phải bản thân chống trái.

6. Có khi năng nhập chẳng phải giác nhập:

Có các năng nhập chẳng phải giác nhập. Giải thích thành chẳng phải giác chống trái, ý nói: khi nhập như là giác nhập, không nhập tức là giác chống trái, đã nhập tự là tín, giải, hạnh... giác thể vốn không ra vào, vào và không vào đâu trách gì giác được? Ba là động dứt đều mê, vẫn có hai: Chính nói: cho nên động niệm: tức là tám câu khổ, tập ở trước và dứt niệm: tức là hai câu diệt, đạo ở trước.

Điều trở về mê muội: kết thành không nhập, hai là nêu giải thích, vẫn có hai. ban đầu nêu ra: Vì sao? Động niệm đã là trái giác, dứt niệm liền hợp với chân, vì sao đều gọi là mê muội. Hai là phần giải thích, mỗi điều giải thích thẳng. Do có bốn khởi vô minh từ vô thủy, từ cội gốc đầu tiên mà khởi lại từ bốn nguyên mà khởi.

Vì mình chủ thể do tướng vô thủy trụ địa vô minh làm của ngã, động là ta động, dứt là (ngã) ta dứt, tướng ngã đã ở tại động dứt đều mê, hai là chuyển thích, trước là giải thích đối trung, ở đây lại giải thích nghĩa của bốn khởi vẫn ở trước.

7. Chúng sanh không có mắt tuệ:

Tất cả chúng sinh không có con mắt trí tuệ, chưa hề giác ngộ. Như người hoặc mười tuổi hoặc hai mươi tuổi mới bị mù, trước mắt tuy không thấy vật, nhưng nói thì liền biết rõ, hoặc trong thai không có mắt, sinh ra đã bị mù, thì khi đối với các thứ sắc dù nói cho họ nghe cũng không hề có lợi ích, trước phải cạo bỏ màng che mắt, sau chỉ bày phải

trái. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Như người mù không thấy màu sữa, người khác nói cho nghe, lần lượt thí dụ vật báu, gạo, tuyết, hạc, cũng không bao giờ biết được màu trắng kia, tánh của thân tâm... đều là vô minh, trước được nhân địa bốn khởi, thời sở tu đều là nhân thành Phật.

Dụng này là bốn khởi vô minh, tất cả đều là nghiệp ma, lại trước do giác tròn sáng nên căn trần đều thanh tịnh. Kết thúc nói: tất cả đều là giác. Nay lấy vô minh làm gốc, nên nói đều là vô minh, trước như vàng làm ngàn thứ đồ dùng, mỗi đồ dùng đều bằng vàng, ở đây như đất làm ngàn thứ đồ dùng, mỗi đồ dùng đều bằng ngói gạch.

8. Ví dụ như người cắt đứt mạng sống:

Thí như có người không tự cắt đứt mạng sống, do ái nên có thân, nếu cắt đứt thân tức trái với ái. Như thân người dù xấu xa bệnh khổ cũng tự bảo vệ tánh mạng mình không bao giờ cắt đứt. Cắt đứt mạng sống người khác thì có thể còn tự cắt đứt mạng sống mình thì khó, nhận ngã cũng giống như vậy. Dứt bỏ tất cả nghiệp ác phiền não, thì có thể được, muốn dứt ngã thì khó thể được ư? Vì sao? Vì ngã không bao giờ lại cắt đứt ngã, lại có ngã nên chắc không giác ngã, như mắt không tự thấy, dứt tình quên tưởng thì đều một thể với giác. Giác là chân ngã thì vọng ngã vốn không, mới gọi là dứt. Như nằm mộng thân dù khiến yếu kém cho đến khổ, khi mộng cũng không bao giờ chịu cắt đứt, quyết phải giác đến hợp với bốn thân mới nhằm chán mộng khổ, lại không thể cắt đứt.

9. Kết thúc để thành chương đạo:

Kết thành chương đạo:

Vì cho nên biết: chỉ do thế của ý trước, từ khi ngã thể sanh yêu ghét đến nay, cho đến không cắt đứt mạng sống... đây đều kết thúc để thành chương đạo, vì thế chép:

Có ái ngã thì ngã cùng thuận theo, với thuận sinh ái để làm rõ ngã, nếu chẳng thuận theo liền sinh oán ghét, đối trái sinh ghét để rõ ngã. Vì tâm yêu ghét nuôi dưỡng vô minh, trên chỉ cho cả hai thứ trên chỉ làm tươi nhuận.

Vô minh, vì thế biết rằng tâm mê tu đạo, dù cho siêng khổ các hạnh môn, chỉ giúp cho vô minh đâu thành quả Phật?

Nói nhau cầu đạo đều không thành tựu, chính là nói về chương đạo. Nói nói nhau: vốn từ vô minh mà sinh yêu ghét, yêu ghét lại huân tập vô minh, hạt giống hiện hành, nói nhau không dứt, dùng đây cầu đạo thì không bao giờ thành, nên kinh Bảo Tích chép: đối với thân sinh yêu quý, không lìa ngã nhân, kia tu hành như thế, do đó mà đọa vào

đường ác.

10. Giải thích riêng bốn tướng:

Hai: giải thích riêng bốn tướng.

Nhưng hành tướng của chúng ta đây là khác với thường, thường là chỉ y theo mê chấp, sơ quả đã dứt được chấp này, đây mới thẳng đến thành tựu tu chứng. La-hán chưa hiểu, trong văn chia làm bốn đoạn:

1. Y theo sự mà nghiệm xét ngã.
2. Ngộ ngã thì thành nhân.
3. Rõ tích thì tích sinh.
4. Ngâm nổi tiếp như mạng.

- Ban đầu nghiệm xét sự nhậm vận chia ra tự tha chính là ngã tướng kia. Trong văn có hai:

1. Nêu giải thích tướng thô
2. Kết thúc ý chỉ tướng tế. Trong phần đầu có hai:
 - a) Nêu ra chỉ bày:

Này người thiện nam! Vì sao tướng ngã nói tâm các chúng sinh chứng được, ngã khó tự thấy, y theo sự mà chứng biết, chỉ nghiệm mình người đều khác, tức là trong chứng tự có ngã. Nếu khiến cho tu đạo xả vọng chứng chân, chỉ biết có tâm, vẫn gọi là tướng ngã.

- b) Y theo dụ để giải thích.

11. Ví dụ để làm sáng tỏ:

Này người thiện nam! Thí như có người thân thể điều hòa thích hợp, bỗng quên thân ta, tay chân như dây cung nhanh chậm, không vội vàng đều là chi thể, không điều thì tay chân mất nhịp độ, bảo dưỡng khác thường, thêm việc chăm cứu thì biết có ngã, vì thế chứng lấy mới hiện ngã thể, đây là so sánh với đạo: ở yên trong thất vắng hoặc ẩn trong núi sâu, tâm dứt kinh doanh, cảnh không trái thuận, huân tập thành tánh tạm được quên tình, không biết mình người, cho là chứng vô ngã, nếu bị trái thuận ép ngặt thì rõ ràng tâm, sinh tâm, đã chưa ổn định thì biết ngã còn, ở dưới nói: nếu lại có người khen ngợi, chê bai pháp ấy thì tức là mừng, giận...

Kết thúc ý chỉ tướng tế.

12. Kết thúc về tướng tế:

Này người thiện nam! Tâm kia cho đến chứng là trên năng dưới sở, Như lai rốt ráo biết rõ, đối với sở chứng lại trên là năng liễu tri. Niết-bàn thanh tịnh là sở liễu tri.

Đều là ngã tướng, nghĩa là chẳng phải chỉ hiểu biết Niết-bàn của Nhị thừa là ngã tướng mà dù cho biết rõ Niết-bàn của Như lai cũng là

ngã tướng, nhưng Niết-bàn chỉ là giác thể, chẳng riêng có thể chứng! Nay đã chứng được Niết-bàn không quên năng sở tức là ngã tướng.

Ngộ ngã thành nhân: ngộ trước là sai ấy là tướng này. Văn có hai:

- Tướng thô:

a) Tướng người: Đây người thiện nam! Thế nào là tướng người? Nghĩa là các chúng sinh tâm ngộ chứng, biết trước là sai, chữ Giả chính là tướng người.

b) Tướng ngã: Đây người thiện nam! Ngộ có ngã: thì không còn chấp ngã, không có tâm chứng, chỗ ngộ chẳng phải ngã ngộ cũng giống như thế, đồng với trước là sai.

Ngộ đã vượt quá tất cả chứng, bật dứt lỗi sở chứng, trừ lỗi năng ngộ, đều là tướng người: kết thúc thành tựu.

- Tướng tế.

Này người thiện nam! Tâm đó cho đến viên ngộ Niết-bàn, không chấp năng - sở, đều là ngã, tâm còn ít ngộ. Trí đây không bỏ là còn ngộ, chẳng có các khác nhau nên nói là ít.

Đây đủ chứng lý, đều cùng tận nên nói là đủ, là hết cả. đều gọi là tướng người, kết thành tướng tế.

- Rõ dấu vết thì dấu vết sinh.

Nghĩa là hai tướng ở trước đều là dấu vết của tâm, đều không chấp nên tránh khỏi lỗi ngã nhân. Nhưng rõ tâm này lại cũng là dấu vết, nên nói rõ dấu vết thì dấu vết sinh. Văn có ba:

1. *Nêu ra chỉ bày.*

c) Tướng chúng sanh: Đây người thiện nam! Thế nào là tướng chúng sinh? nghĩa là các chúng sinh tâm tự chứng ngộ chỗ không bằng, biết năng ngộ ở trước, ngộ là sở giác, ngộ đã thành sở giác lại gọi là năng, lần lượt không cùng, đều thành năng sở, năng sở và xứ (chỗ) đều là tướng đối đãi, rõ đây (đối đãi) là không chắc chắn, nên lìa lỗi trước, chấp sở không bằng, nghĩa là tách khỏi các lỗi, không biết chấp này thì lại là chúng sinh, chúng sinh không chắc chắn chấp một.

2. *Nêu ví dụ giải thích:*

13. Mượn lời nói của người để làm nghĩa thế:

Này người thiện nam! Thí như có người nói như thế, mượn lời nói người đời để làm nghĩa thế, hiển rõ tướng chúng sinh.

Ngã là chúng sinh thì biết người kia nói chúng sinh chẳng phải ngã, chẳng phải kia, nêu cả hai đều sai. Dưới đây tự giải thích rằng:

Thế nào là chẳng phải ngã? Ngã là chúng sinh thì chẳng phải ngã,

vì tự là chúng sinh nên chẳng phải ngã.

Thế nào là chẳng phải kia? Ngã là chúng sinh, vì nói ta là chúng sinh không nói kia là chúng sinh, nên chẳng phải kia, vì chẳng phải ngã của kia là chẳng phải ngã của người kia, lại nói mình đối với người kia không chấp ngã nhân, nên chẳng phải ngã kia.

3. Chỉ cho đối biện ở trước.

Này người thiện nam! Nhưng các chúng sinh liễu chứng (ngã tướng) liễu ngộ (tướng người) đều là ngã nhân: Chỉ cho hai tướng ở trước, sau đây trả lời để phân biệt tướng của chúng sinh rằng: tướng ngã nhân không bằng, liễu chứng là không thì ngã không bằng. Liễu ngộ là không thì người không bằng, không chấp thủ tể nên lìa ngã nhân. Còn có sở liễu gọi là tướng chúng sinh, vì tâm không quên cho nên tức chữ tứ, tiềm ẩn nối nhau như mạng sống, đều không sở chấp, chỉ nghĩ tu hành, do không khởi tâm nên tránh ba lỗi trước, tức là nghiệp trí vô chấp này nối nhau chưa quên. Chẳng phải cố sinh tâm nên nói tiếp tục tiềm ẩn nối nhau, vẫn có hai:

d) Tướng thọ mạng:

Nêu ra chỉ bày: Này người thiện nam! Thế nào là tướng tuổi thọ? Nghĩa là chúng sinh tâm chiếu soi thanh tịnh, tức là sự chiếu sáng của tâm nên nói thanh tịnh, tức là tự giác.

Giác sở liễu: biết ba tướng trước tức là giác tha. Chứng ngộ... thấu suốt nguồn chân, không có năng giác riêng, cho nên ở trên nói tâm soi chiếu. Tất cả nghiệp trí: định đem trí này tu tập tất cả nghiệp vô lậu. Chỗ không tự thấy giống như mạng căn, tuy đứt được vọng mà vọng không tự trừ, nên chẳng tự thấy, không tự thấy nên giống như mạng căn, như mạng căn là gồm chấp lấy nghĩa nối tiếp không dứt.

Lần lượt giải thích tử mĩ, có ba:

d.2.1) Dùng nghĩa để giải thích:

14. Giải thích lý do lỗi lầm:

Này người thiện nam! Nếu tâm soi thấy là tướng của môn này. Tất cả giác là ba tướng trước.

Đều là bụi nhơ: Cả hai chỉ cho lỗi lầm, dưới đây giải thích lý do lỗi lầm.

Giác, sở giác, không lìa trần, do dùng tâm này thấy các giác trước nên không lìa trần, vì tâm chưa quên.

Dùng dụ giải thích ngược lại.

15. Ví dụ nước sôi làm tan băng:

Như nước sôi làm tan băng: không có riêng băng biết băng tan:

nước sôi làm tan hết băng thành chung một thứ nước. Lại không thể biết hết là nói: ngược lại nghiệp trí này đã soi chiếu ba tướng trước đều cùng tận, thì là bệnh ngã chưa hết. Nếu Như nói ta hết, tức là ở đây nói băng hết thì không hết, nếu phối hợp kỹ thì nước dụ cho chân tánh, băng dụ bốn tướng, nước sôi dụ cho trí tuệ, nước nấu gọi là nước sôi, tâm ngộ gọi là trí, nên nói nước đóng thành băng, trở lại nấu nước để nung chảy, băng nước sôi đều hết, riêng tánh ướt còn, do dụ tâm mê thành ngã, trở lại ngộ tâm, để tiêu ngã trí đều hết, chiếu thể độc lập.

Phối hợp với Pháp.

Còn ngã biết ngã cũng giống như vậy. Hoặc dùng đồng dụ để phối hợp ngược lại, nên nói không có ngã riêng biết là ngã hết. Nay lại dụ thể, thuận theo trước mà giải thích, nên nói chánh hợp.

Còn ngã mất đạo văn, có hai:

1. Nêu chung mất đạo.

16. Tu hành còn năng sở thì không thành quả Thánh:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp, không rõ bốn tướng. Tuy trải qua nhiều kiếp khổ công tu đạo, chỉ gọi là hữu vi, do bốn tướng trước đều có thủ chứng, không bao giờ thành tựu tất cả Thánh quả, đã đem tâm này tu hành, thì mỗi hạnh đều có năng sở, cho nên không thành Thánh, chính đồng với kinh Hoa nghiêm nói nhiều kiếp tu sáu độ mà không gọi là Bồ-tát.

Cho nên gọi là chánh pháp đời mạt: chánh tông thời mạt pháp của Phật pháp. Thời chánh pháp tu thì đều chứng, thời Mạt pháp người thường chấp tướng. Nay đã thủ chứng tướng, thì chánh pháp cũng đồng đời mạt pháp, nếu gặp giáo này, hiểu rõ nguồn gốc bệnh, thì tuy với đời mạt pháp nhưng lại đồng chánh pháp. Sau xoay vần giải thích rộng, vẫn có bốn:

1. Cho ngã là chân.
2. Nói bệnh là pháp
3. Dùng phạm lạm Thánh.
4. Chấp quả mê chân.

Một có hai:

- a. Nêu giải thích lỗi.
- b. Kết thúc thành chương giác.

Trong phần đầu có sáu:

1. Tu lâu vì sao không chứng.
2. Chấp ngã thủ chứng chẳng phải giải thích đúng đắn.
3. Thủ chứng vì sao ngại đạo.

4. Ưa vắng lặng, ghét ồn ào, chẳng phải giải thoát.

5. Vì sao biết chứng pháp chẳng giải thoát.

6. Khen ngợi, vui mừng, chê bai, sân giận, nghiệm ngã giải thích nay 1: Vì sao? Kiếp số đã nhiều thực hành lại vất vả, vì sao lại không chứng quả Thánh? Trong giải thích có hai:

1. *Pháp:*

17. Chấp ngã là Niết-bàn nên tu hành không lợi ích:

Cho rằng tất cả ngã là Niết-bàn, có chứng có ngộ gọi là thành tựu. Bởi chấp ngã là Niết-bàn nên mặc dù nhiều kiếp siêng năng tu hành mà không được lợi ích. Như chấp thân trong mộng cho là chính mình, mệt nhọc dưới mọi hình thức vì gia nghiệp, cuối cùng không một việc lợi ích với tư sản.

2. *Dụ:*

Thí như có người nhận kẻ cướp làm con, tài bảo nhà kia không bao giờ có được, nếu giặc ở ngoài còn có thể đề phòng, nuôi dưỡng làm con làm sao đề phòng được? Lại biết cướp là cướp, cướp không thể làm, nhận cướp làm con đâu tránh khỏi phá hoại, đem dụ sáu căn chấp lấy cảnh còn có thể chế ngự tàng thức vọng ngã khó có thể làm rõ, cho nên của báu của công đức trong Như lai tàng niệm niệm suy hao, do tham lam này khó chữa nhóm phước trí.

3. *Chứng vì sao trở ngại đạo?*

Vì sao? Vì dù chấp ngã thủ chứng, sao lại gây trở ngại cho đạo.

4. *Ghét yêu chẳng phải giải thoát.*

Có ngã ái thì cũng ái Niết-bàn, hàng phục gốc ngã ái là tướng Niết-bàn. Có ghét ngã thì cũng ghét sinh tử. Luân hồi sinh tử vốn từ yêu ghét, muốn cầu giải thoát phải dứt hết hai nguồn gốc. Nay yêu Niết-bàn lại là gốc ái, nay ghét sinh tử cũng là gốc ghét. Bỏ khổ ham vui tuy khác nhau, nhưng ghét yêu vốn là do huân tập. Chấp vào yêu ghét mà tu hành thì quả Phật làm sao thành? Nhỏ sạch gốc ngã ái là Niết-bàn, do hàng phục nên yêu ghét không khởi, tướng không khởi giống tướng Niết-bàn, vì giống là chân nên nói như thế.

18. Ái chính là chân sinh tử:

Không biết ái là chân sinh tử. Riêng ghét sinh tử gọi là không giải thoát. Vốn ái Niết-bàn, quyết dứt sinh tử, tâm ái đã có tức là gốc sinh tử, gốc ái mầm ghét đâu thể gọi là giải thoát?

5. *Vì sao biết chứng pháp chẳng giải thoát.*

Thế nào là biết pháp mà không giải thoát? Pháp là Niết-bàn. Vì ở trước giải thích: ái Niết-bàn gọi là không giải thoát, cho nên ở đây nêu

rằng: nếu ưa có sinh tử thì chính là ràng buộc, nay ngộ Niết-bàn là pháp vắng lặng, dùng tướng gì để biết là không giải thoát?

6. *Khen ngợi chê bai nghiệm ngã giải thích.*

Nghĩa là thật chứng thì quyết vô ngã, vì vô ngã nên không có sân giận, vui vẻ. Nay vì pháp có tức giận vui vẻ, nên biết pháp chứng chẳng thật, Ngã chưa hết, trong căn có hai:

1) *Nêu ngã chưa hết.*

19. Ngoài thì biết căn trần giả hợp, trong thì giác tánh thể vắng lặng:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp kia huân tập Bồ-đề vì đã nói chứng là tự thanh tịnh, ngoài thì biết căn trần giả hợp, trong thì tánh giác thể vắng lặng.

Vì chưa thể hết cội gốc ngã tướng, chính là nói chưa hết.

2) *Do cảnh nghiệm biết.*

Nếu lại có người khen ngợi pháp kia, thì sinh vui mừng liền muốn cứu độ. Nếu lại chê bai sở đắc kia thì liền sinh tức giận, nhưng cảnh đời trái thuận thô trọng thì dễ rõ. Chỉ y theo pháp môn rất khó xem xét, chỉ nói là pháp giận kia độ đây, không biết tâm này vốn là ngã tướng.

Cho nên biết ngã tướng chấp chặt bền chắc, nhân đối cảnh ngoài mà nghiệm được bên trong, ngã không xen hở. Ngâm chứa tạng thức: là hạt giống.

Các căn đạo chơi, không hề xen hở: là hiện hạnh. Gặp cảnh thì phát trôi lăn nối nhau, nói chung, thì do đối cảnh ngoài mà nghiệm được bên trong, ngã chấp còn vững chắc, nối nhau tiềm tàng. Tuy tuệ quân thường nêu mà ma chúng thường xô ngã. Vả lại thành A-lại-da khó tấn công chủ tử, mạt-na thường giữ gìn ngăn ngừa vững chắc mạnh mẽ, ý thức tính toán mưu làm công việc trong ngoài, tướng nắm thức xem xét bên ngoài để giữ gìn cửa sáu thức, do đó giặc chủ nhiều lần đạo chơi thường cướp đoạt, mê hoặc Pháp vương của ta.

Thường xâm lấn quấy nhiễu cảnh quán của ta, tuy bên ngoài sợ Bát-nhã, ngày ẩn đêm đi, mà trong ôm vô minh ngày đêm không ngừng. Hai là kết thành chướng giác.

20. Không trừ tướng ngã thì không thể nhập thanh tịnh giáo:

Này người thiện nam! Người tu đạo ấy không trừ ngã tướng, cho nên không thể nhập thanh tịnh giác. Hai nói bệnh là pháp, vẫn có hai:

1. Giải thích kia là sai.

2. Kết thúc thành chướng giác.

Trong phần đầu có hai:

1. Che đậy khước từ, theo đuổi trước là pháp tức giận, vui vẻ.
2. Suy cùng, để thành nói bệnh là lỗi của pháp.

Này người thiện nam! Nếu biết ngã không mà chẳng chê bai ngã: sợ nghe tức giận, vui mừng là ngã liền muốn nhẫn chịu không tức giận để làm vô ngã, nên từ chối rằng: nếu thấy kia chê bai nhân ngã, bị kia chê bai mà không tức giận thì đây cũng là ngã, nên nói: nếu biết ngã không mà không chê bai ngã, đã thấy có huỷ báng ngã báng ngã thì chưa được ngã không. Cũng nên nói: Nếu biết ngã không, vô ngã nói pháp, cho nên kể nói có ngã nói pháp thì ngã chưa dứt. Nhưng người chê bai là kia, người nói là ngã. Văn kinh với người chê bai nói không, là ngược nói lỗi. Nhưng người nói pháp thì nói có là thuận nói lỗi, khước trừ lỗi ấy, sau đây muốn quyết đoán là bệnh, chúng sinh tuổi thọ, là về tướng người, lấy văn kia để chải chuốt thành câu.

21. Nếu bốn tướng còn thì gọi chung là bệnh:

Cũng giống như thế: là ví dụ về ngã.

1) Quyết đoán.

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp nói bệnh là pháp, chỉ lỗi của sự từ chối ở trước. Tức là bốn tướng, nếu bốn tướng còn thì gọi chung là bệnh.

Nên gọi là đáng thương xót: lấy bệnh làm pháp thật đáng thương xót, mặc dù siêng năng tinh tấn lợi ích các bệnh, nhưng vì mang bệnh tu hành nên thêm các bệnh, nói trái với đây thì xứng thật tu hành chỉ có ích cho thật đức. Như các vị thuốc... giống có ngọt đắng, đất nước tươi nhuận, đều thêm lợi ích. Đắng dụ cho ngã tướng làm gốc, ngọt dụ cho tịnh giác làm gốc, đất nước thì dụ cho muôn hạnh.

22. Kết luận thành chương giác:

2) Kết thúc thành chương giác.

Cho nên không thể nhập thanh tịnh giác,

3. Đem phàm lạm Thánh, vẫn có hai:

a) Nói về tướng lạm.

b) Kết thúc thành chương giác. Trong phần đầu có hai:

b.1) Hoặc Thánh đồng.

23. Không rõ bốn tướng thì tu hành không thành tựu:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp không rõ bốn tướng, y theo Như lai giải và chỗ sở hành để tự tu hành, thì không bao giờ thành tựu, Phật nói pháp môn liễu nghĩa xứng lý, đều nói tâm cảnh vốn không, hoặc nghiệp vốn tịnh, phàm Thánh không khác, nhân quả đều tròn, y theo lý mà Phật thấy thì thật như thế, hơn nữa chúng sinh

mê lầm điên đảo đã lâu, gốc huân tập sâu dày, cho dù khiến tin hiểu pháp môn, nhưng hiện dụng xưa nay tùy niệm. Chỉ do tâm thức phân biệt, hiểu thụ vô ngại nói giáo là nói ý Phật cũng chỉ như thế, tâm đã là niệm cho nên bất giác niệm, không biết ngấm thông, chứng nhập khác với tùy tướng tín tâm, chấp nhận Phật bình đẳng, không thể dứt hoặc cầu chứng, nên kinh nói cuối cùng không thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: như kẻ nghèo đếm của báu cho người.

24. So sánh với bậc Thánh:

b.2) Sánh mình bằng Thánh.

Trước thì sánh cao bằng đức, đây thì sánh dưới bằng cao, vẫn có hai:

1. Nhận Thánh trí kia.

Nếu có chúng sinh chưa được cho là được: là lý, cho đến công đức mà bậc Thánh có.

Chưa chứng cho là chứng là trí. Trí thân mà bậc Thánh thâm chứng nay nói được nói chứng là người tăng thượng mạn. Nếu tự biết không chứng mà nói chứng, thì thuộc về giới nói dối nghiêm trọng trong bốn giới căn bản. Chẳng phải ý văn ở đây.

2. Nghiệm ra khỏi phàm tình.

Thấy người tốt tinh tấn lòng sinh ghen ghét. Nhưng các bậc Thánh hình loại không chắc chắn, đắc và không đắc nội chứng ở tâm. Đâu cần phải làm rõ tha chưa đắc chưa chứng, cho nên quán sát tâm hạnh để nghiệm chân hư. Bậc Thánh dụng tâm thấy người, mình không hai. Thấy người tốt tinh tiến hoặc giáo pháp lưu hành, niệm niệm vui mừng quyết sẽ thuận theo, tự nghiệm trong tâm như thế, hoặc liền chứng ngộ không lường dối. Hoặc tự biết mình kém, người kia hơn thì ghen ghét, mình hơn kia kém thì vui mừng. Cho dù khiến hiểu sâu cảnh mẫu nhiệm cũng chỉ là sở duyên của tâm, chớ lầm cho là được, cho là chứng.

25. Kết luận thành chứng giác:

Kết thúc thành chứng giác.

Do chúng sinh kia chỉ cho cả hai hạng người ở trước, chưa dứt ngã ái, ở trước nói cuối cùng không thành tựu, vì Phật không ngã ái, hề có ngã ái nên nói... thấy thắng tấn thì ghen ghét, cũng do ngã ái, do ngã ái nên ở dưới nói:

Cho nên không thể nhập thanh tịnh giác. Bốn hướng đến quả mê nhân.

26. Mục đích tu hành của chúng sanh đời mạt pháp:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp hy vọng thành

đạo hướng đến quả không phải để cầu ngộ, chỉ thêm nghe nhiều là nhân mê. Liền biết trước phải ngộ đạo, sau nghe nhiều thêm trí tuệ. Người đời昧 pháp thường lầm ý này, chỉ y theo danh số không cốt để rõ tâm, tâm đã không thông, thì hiểu nghĩa chỉ nhiều, ngã kiến chỉ lớn, nên sau đây nói:

Thêm lớn ngã kiến, Kinh Hoa nghiêm cũng chép: không thể rõ tự tâm thì thêm lớn tất cả điều ác. Lại, luận Trí Độ chép: nghe nhiều không có trí tuệ là không biết thật tướng. Thí như trong căn nhà tối lớn có đèn mà không có mắt...

Dứt hoặc thành chân, có hai:

Giải thích thuận:

27. Những điều nên tu:

Chỉ nên tinh tấn: lời khuyên nhủ.

Hàng phục phiền não: nêu riêng cái phải dứt bỏ.

Khởi tâm mạnh mẽ: khuyên chung tu đoạn.

Chưa được làm cho được: là tu, nghĩa là tất cả công đức diệu dụng trong cảnh chân thật.

Chưa dứt thì dứt: là dứt bỏ, là tất cả pháp chướng ngại trong cảnh điên đảo, tức là sau đây sẽ nêu ra rằng: tham, sân, ái, mạn ba thứ trong các phiền não căn bản, ái không có tánh riêng thuộc về tâm sở tham.

Dục nịnh ganh ghét: Là tiểu tùy phiền não.

Đối cảnh không sinh kia (tha) ta (tự) tất cả ân ái vắng lặng. Lại nêu đây là gốc rễ sinh tử khó nhổ nhất, niệm hết thì tự, tha đều vắng lặng.

28. Kết quả nếu tu như trên:

Phật nói người này lần lần thành tựu: kết thúc thành nhân.

Do trước nói dứt ngã dụng tâm, lúc đó tuy ngộ vẫn suy nghĩ thời gian dài khó lìa được sự huân tập của ngã, cho nên Phật răn rằng: chỉ được đốn ngộ ngã không, siêng năng dứt bỏ phiền não, thói quen chấp ngã lần lần hết sạch, quả Phật vô thượng tự nhiên dần dần thành.

Cầu Thiện tri thức, không rơi vào tà kiến, người buôn ra biển phải nhờ người thuyền trưởng, người học tu hành phải giúp bạn lành. Hai là giải thích ngược lại.

Nếu với sở cầu sinh yêu ghét, riêng thì không thể vào biển giác thanh tịnh, ngược lại nói không sinh yêu ghét thì vào biển giác. Trong kệ khen ngợi có bốn. Thứ lớp như trước, hoàn toàn giống với Văn xuôi, nên không nhọc chép lại.

29. Đức Phật nói kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

*Tịnh Nghiệp ông nên biết
Tất cả các chúng sinh.
Đều do chấp ngã ái
Vô thì vọng trôi lăn.
Chưa dứt bốn thứ tướng
Không được thành Bồ-đề
Yêu ghét sinh trong tâm
Siểm khúc còn các niệm.*

Cho nên thường mê muội, không thể vào giác thành. Thành dụ cho giác, pháp dụ mỗi thứ có ba nghĩa.

- Một là rõ tâm tánh không, không vào các hoặc, như đề phòng kẻ địch bên ngoài.

- Hai là thấy đức số cát sông hằng thì muôn hạnh tròn đủ, như nuôi dưỡng mọi người.

- Ba là đạo đều thông suốt, như mở cửa dẫn vào.

30. Nêu hai trường hợp trái nhau:

Nếu trở về cõi ngộ.

Cõi là thế giới, như đến nước Trung Quốc, cõi ấy thuộc nhà Đường, nên biết nếu đến cảnh ngộ thì pháp pháp thuộc ngộ, cảnh mê cũng giống như vậy. Trước bỏ tham, sân, si: si vẫn xuôi không, kệ có, mạn thì Văn xuôi có, kệ không, văn rõ ràng lược bỏ.

Pháp ái: ái Niết-bàn. Không có tâm, dần dần có thể thành tựu.

Ngã thân là gốc của yêu ghét, vốn không có, yêu ghét từ đâu sinh.

Sở y đã không, năng y làm sao có?

31. Kết quả của hai trường hợp trái nhau:

Người này cầu bạn lành, không rơi vào tà kiến.

Sở cầu riêng sinh tâm, rốt ráo không thành tựu.

Cõi Ngộ, ngã thân thì Văn xuôi không, kệ có. Từ đó về sau nương thấy lìa bệnh, nghĩa là rộng khuyên nương Thiện tri thức, trừ bỏ bốn bệnh và các hoặc nhỏ nhiệm, vẫn có bốn. Phần đầu của ba phần đầu thứ ba.

32. Bồ-tát Phổ giác lễ Phật thưa hỏi:

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ giác ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Trong phần trình bày có hai:

1) Trước chúc mừng.

Đại bi Thế Tôn! Xin nói về bệnh thiền (bốn tướng) giúp cho các đại chúng được điều chưa từng có. Tâm ý sáng khoái, được yên ổn hoàn toàn.

2) Sau thỉnh mời, lý do có ba:

Thế Tôn! Chúng sinh đời mạt pháp cách Phật quá xa, Hiền Thánh ẩn tránh, tà pháp tăng mạnh.

Nói ý của thưa hỏi: Như người có con bị bệnh rất lo buồn, Bồ-tát đại bi trước thương xót đời mạt pháp, hiền Thánh ẩn tránh, chánh pháp sắp chìm đắm, muốn khiến rộng lợi ích đời đương lai. Cho nên nêu lên lời hỏi này. Kế chính là thưa hỏi, trước đều có ngã tướng, chưa thể thi công, nay đã trừ chướng mới có thể tu tập, vận dụng theo đây lại có đúng sai, nên phải nương thầy, khỏi chìm đắm bốn bệnh.

33. Chúng sanh phải cầu người nào, nương vào pháp nào?

Khiến các chúng sinh phải cầu người nào: do trước nói cầu Thiện tri thức không rơi vào tà kiến, cho nên ở đây xin hỏi cầu người như thế nào là Thiện tri thức? Trong câu trả lời có đủ ý chỉ.

Nương vào pháp nào? Làm những hạnh gì? Trừ bỏ bệnh gì? Nói phát tâm như thế nào, văn đều hiển rõ.

Giúp cho những người mù kia không rơi vào tà kiến.

3. *Nói về những việc phải làm:* Sau đây là tuyên bố ba lần mô phỏng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vốc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trả lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ giác rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Ông mới có khả năng thưa hỏi Như lai pháp tu hành như vậy, sẽ đến đến cho tất cả chúng sinh đời mạt pháp mắt đạo vô úy. Khiến chúng sinh kia được thành Thánh đạo, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho. Lúc đó, Bồ-tát Phổ giác vui vẻ vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong văn xuôi có năm:

1. Chỉ bày minh sư lãnh sự.
2. Phân biệt bốn bệnh dạy trừ.
3. Phân biệt tâm thờ thầy.
4. Nói về hạnh trừ bệnh.
5. Hiển rõ phát tâm rộng lớn.

Như thứ lớp trả lời năm câu hỏi trước, nhưng lại có ít tướng lạm dụng, nên lại làm rõ văn kinh. Nay trước là trả lời câu hỏi thứ nhất, văn có ba: 1. Khiến biết, 2. Lãnh sự, 3. Hiển bày lợi ích.

34. Phật trả lời Bồ-tát Phổ Giác:

Đây là phần đầu: Nay người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp nên phát tâm rộng lớn: Để phân biệt với các thừa khác, là nhân chính. Cầu Thiện tri thức: là duyên chánh. Khéo rất dễ hiểu chân, biết vọng, biết bệnh, biết thuốc, cho nên tâm đầu tiên khiến cầu. Văn-thù bảo Thiện Tài rằng: Gân gửi cúng dường các Thiện tri thức, đầy đủ Nhất thiết trí, là nhân duyên đầu tiên. Nên kinh Quang Tán Bát-nhã chép: Muốn học sáu pháp Ba-la-mật, nên theo chân Thiện tri thức, thường nên kính thờ.

Muốn tu hành: là hạnh cầu giải thoát.

Nên cầu tất cả người thấy biết chân chánh: nêu ý chỉ. Khéo thông suốt giác tính không nhờ tu mà sinh, quyết giải thích không nghi ngờ, gọi là Chánh tri kiến. Kinh Pháp Cú chép: Khéo hiểu sâu pháp không, không tướng, không tác, không sinh, không diệt, liễu đạt các pháp từ xưa đến nay rốt ráo bình đẳng, không nghiệp, không báo, không nhân, không quả, tánh tướng như như trú vào thật tế. Trong rốt ráo không lại rõ ràng kiến lập, ấy gọi là chân Thiện tri thức. Kinh Hoa Thủ chép: có bốn pháp, nên biết là Thiện tri thức, nghĩa là khéo biết giáo hóa tu đạo và các lỗi lầm.

Tâm không trú tướng, lia cảnh giới phiền não của phàm phu, nghĩa là không nên trú sắc sinh tâm...

Không đắm cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, lia cảnh giới mắc kẹt vào sự vắng lặng của Nhị thừa. Kinh Xưng Tán Đại Thừa chép: Thà ở địa ngục suốt trăm ngàn kiếp, chứ không bao giờ phát tâm Nhị thừa, cũng có thể Chánh tri kiến là phân biệt với ngoại đạo, không trú tướng phân biệt với phàm phu, không mê đắm... phân biệt với Nhị thừa, như trên là thuận hạnh, sau đây nghịch hạnh:

Tuy hiện trần lao: tức là tham...

Tâm thường thanh tịnh: Hiện ở trong nhiễm mà không nhiễm. Như kinh Tịnh Danh chép: tuy có vợ con nhưng thường tu phạm hạnh... kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát tại gia ở chung với vợ con, chưa hề xa lia tâm Bồ-đề.

Thị hiện có các lỗi: muốn độ chúng sinh có lỗi, trước dùng đồng sự để nhiếp hóa tâm đã gân gửi mới có thể nhận lời chỉ dạy. Như kinh Tịnh Danh chép: vào các phòng dâm chỉ lỗi của tham dục... cũng đồng với Thiện Tài thiện hữu, Bà-tu-mật nữ trong kinh Hoa Nghiêm... khen ngợi phạm hạnh, không để chúng sinh rơi vào bất luật nghi, hoặc vì lợi ích, hoặc có duyên riêng, nên việc làm không đúng khuôn phép, tạm thời trái với chân giáo, thì phải chê bai đó là sai, không được nguy biện

lỗi lầm, nói lý để làm lầm kẻ phạm phũ, ở đây không đồng với người tà kiến tự gây ra các lỗi lầm. Lại nói những việc chẳng phải phạm hạnh là chân thật, khiến cho vô lượng người rơi vào đường hiểm, chỉ vì đồng sự nhiếp, tuy hiện các lỗi lầm thường phải khen ngợi phạm hạnh chân thật, nên luận nói: người phá kiến tuy không phá phạm hạnh, nhưng không thể làm đạo nhân cho các chúng sinh. Tuy phá phạm hạnh mà không phá chánh kiến, chính là ruộng phước chân thật cao quý của người trời.

Cầu người như thế, thì được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kết thúc thành lợi ích lớn. Hai là lãnh sự, vẫn có hai:

1. Nêu cái khó của được thân mạng.
2. Ví dụ cái dễ ở ngoài thân. Trong phần đầu có hai:

a) Chánh nêu.

35. Đối với người và pháp ấy:

Chúng sinh đời mạt pháp thấy người như cho nên phải cúng dường không tiếc thân mạng, như Tuyết Sơn bỏ thân, ở hương thành chẻ xương. Sách Nho còn khiến hết sức phụng dưỡng cha mẹ hết lòng nhờ vua, huống chi là chánh pháp? Cho nên kinh Đại Thừa Tứ Pháp chép: các Bí-sô suốt đời cho đến gặp nhân duyên mất mạng cũng chắc chắn không được bỏ Thiệt tri thức. Hai là ngăn ngừa nghi ngờ.

Thiệt tri thức kia trong bốn oai nghi thường hiện sự thanh tịnh: chỉ cho thuận hạnh ở trước, cho đến thị hiện các lỗi lầm: chỉ cho nghịch hạnh ở trước.

Tâm không kiêu mạn: nói về không nghi. Bồ-tát hóa hiện quyền đạo khó lường, chỉ nương pháp môn chẳng nghi dấu vết, không dùng thuận hạnh bắt chước cung kính, hoặc thấy nghịch hạnh liền sinh kiêu mạn. Cho nên luận Trí Độ chép: Đối với các thầy tôn kính tưởng như Thế Tôn, nếu có thể mở bày giải thích nghĩa sâu xa cõi mở nghi kết, với ta có lợi ích thì hết lòng cung kính, không nghĩ các việc ác khác, như túi xấu đựng đầy vật báu kia. Lại như đi đêm, đường nguy hiểm, người xấu cầm đuốc, không phải vì người xấu mà không nhận sự chiếu sáng của họ. Bồ-tát cũng giống như thế, ở thầy được trí tuệ sáng suốt, không chấp cái xấu của thầy, nhưng cái khó của thầy, làm đồ đệ không thay đổi, chớ vì sự răn dạy này mà làm lầm người thô kệch, muốn xét thật hư thì như trước mà phân biệt. Đã am hiểu đạo thì như thế mà vâng thờ. Lại, thuốc trị học trò này, thầy chớ lầm uống, uống vào thêm bệnh, không có thuốc để trị, mà dùng ràng buộc để cởi mở ràng buộc thì không có việc ấy!

Hai là ví dụ về sự dễ ở ngoài thân.

Hướng chi lại cầm lấy: cầm lấy thức ăn, người dịch nhằm lược bỏ, nên nói đoàn thực.

Của cải (vải tiền) vợ con (thân nhất) quyến thuộc: người hầu đối trước cái khó của thân mạng, nên nói hướng lại. Hai là nói về lợi ích.

Nếu thiện nam với bạn tốt kia không khởi niệm xấu, do trước không kiêu mạn. Nếu khởi kiêu mạn thì niệm ác liền sinh, chướng ngại che lấp tự tâm thì pháp nào được vào?

Liên rốt ráo thành tựu chánh giác, đã không che lấp niệm ác, liền được thành tựu chánh giác.

Hoa Tâm phát sáng, chiếu khắp các cõi mười phương, tâm giác đã sáng chính là ánh sáng trí tuệ phát ra, tiếp xúc không nhiễm, nên gọi là hoa tâm, xứng thể vô biên, chiếu các cõi mười phương. Hai là phân biệt bốn bệnh khiến dứt trừ. Trả lời câu hỏi thứ hai nêu ra pháp mâu nhiệm, giải thích nương viên giác. Viên giác là pháp sở y, pháp này xa lìa bốn bệnh mới đáng nương, hỏi về trừ bốn bệnh ở dưới tự có trả lời. Nhưng vẫn dường như lạm dụng, nên bao gồm mà chia khoa mục, vẫn có ba:

b) Nêu chung về sinh khởi.

36. Nói về bốn bệnh:

Này người thiện nam! Pháp mâu mà Thiện tri thức kia chứng được nên xa lìa bốn bệnh, thế nào là bốn bệnh? Tâm bệnh vô biên quan trọng chỉ có bốn bệnh này, hễ có một trong bốn bệnh ấy thì không thể làm thầy.

Giải thích riêng hành tướng: đều gọi là bệnh: duyên chung là không lấy lời dạy làm dây mực, không đem thầy làm kim chỉ nam, chỉ tự nêu tâm tác ý như thế. Nên văn kinh đều nói: nếu lại có người nói như vậy: Nói là ý nói. Văn có bốn:

Bệnh tác: nếu lại có người nói rằng: Ta đối với bốn tâm làm các thứ việc, muốn cầu viên giác, là nói về tướng. Suy nghĩ, ước đoán, tính toán so lường, dấy tâm vận động làm các hành tướng, tạo tháp xây chùa, cúng Phật, trai tăng, trì chú tụng kinh, tăng giảng tục giảng, điềm nhiên ngồi thẳng, lập bày các thứ, dừng dứt nơi núi sâu, du lịch thế giới, siêng lo cơm áo cho là đạo duyên nên chịu đói lạnh, cho là công đức, quán không, quán hữu, yêu thân, ghét thân, đối với nhiều hạnh môn hễ chấp một trong các hạnh môn, nương vào một hạnh này mà muốn khế hợp với tâm giác, thì đã là tạo tác sinh tình, đâu hợp với vô vi tịch chiếu? Bệnh này từ trong quán huyện ở trước sinh ra. Kia nói: Tất cả Bồ-tát khởi hạnh từ đây, cho đến trong các luận đều nói độ sinh, khởi

hạnh khởi dụng, mất ý văn kia, thành bệnh tác này.

Tánh viên giác kia chẳng phải làm mà được, dựa vào thể để phá, tánh viên giác chẳng phải tạo tác, tạo tác thì làm sao khế hợp? Nếu rõ tánh giác vốn viên, không dấy tâm cầu lợi ích, không chỗ dấy tâm liên hợp với tâm giác, khi hợp với tâm giác tự không có các vọng, không có các vọng thì chỗ làm tương ứng, dồn đất nhóm cát đều thành Phật đạo, tức các hạnh trên đây, gặp sức duyên mà tiện làm, hễ bệnh nào thì chữa bệnh ấy không thuận theo vọng niệm, chỉ phải hết vọng tánh tự mở sáng, hết tức là Bồ-đề đâu từ ngoài được? Nói bệnh là kết thúc gọi tên, bốn tiết trên đây, ba thứ dưới đây cũng đồng. Hai là mặc ý chìm nổi.

Hai bệnh nhậm: nếu lại có người nói rằng: nay chúng ta không dứt sinh tử, không cầu Niết-bàn, Niết-bàn sinh tử không có niệm khởi diệt, ý nói: sinh tử là không, thì còn có gì để dứt? Niết-bàn vốn vắng lặng, thì còn gì để tu cầu, không nhằm chán không ưa thích, không có niệm sanh diệt.

Nhậm vận tất cả kia tùy theo các pháp tánh, như các loại lửa nóng, nước ướt các tánh đều khác nhau. Thời nay thấy có một hạng người nói vọng từ tha vọng, chân thì nhậm vận tha mà chân, đều xứng với tâm, cần gì sửa đổi? Làm cũng mặc làm, thích rồi thì rồi, gặp đói liền ăn, thấy áo liền mặc, việc tốt, việc xấu tất cả không biết, nhậm vận mà làm, tin duyên mà sống, muốn ngủ liền nằm, ngồi dậy liền đi, Đông, Tây, Nam, Bắc đâu chắc chắn đi hay ở? Bệnh này do trước nói viên giác thanh tịnh, vốn không tu tập nương theo chưa giác sức huyễn tu tập, mất ý văn kia, tự cho đã giác cần gì làm huyễn, nên thành bệnh nhậm.

Muốn cầu viên giác: nghĩa là cho rằng nhân rồi hợp với đạo. Tánh Viên giác kia chẳng phải do nhậm mà có, trước thì rong ruổi tìm Phật, đây là thân tâm buông lung, nếu thiện ác không trói buộc, thì gọi là tánh vô ký. Bấy hiện chẳng lẽ là đại đạo, tứ hạo đâu phải bậc Thánh, còn mê muội đối với các tầng trời cõi Dục, làm sao tầm hợp với giác thể.

Hành chân đến đây, nước chìm đắm thuyên, phải tự cảnh giác, chớ để mắc phải bệnh này, nên ở trước nói: nếu không tu hành, thường ở huyễn hóa, làm sao giải thoát được? Ba là ngừng dứt vọng tình.

Ba bệnh chỉ: Nếu lại có người nói rằng: Nay tự tâm ta dứt hẳn các niệm, sinh tâm thì sợ sai, theo tình thì lo mất, một bề chỉ dứt đâu hợp với nhậm vận? Nhưng dừng vọng tức chân, đâu cần riêng chiếu?

Được nhất thiết tánh: dứt niệm nên lìa tướng, lìa tướng nên được tánh, là tánh vô tánh của các pháp, chẳng phải là tánh giác.

Bình đẳng vắng lặng: Ý nói do ngã tâm sinh vọng tưởng, với lấy

khổ vui khác nhau, nay chỉ ngừng dứt vọng tâm, vọng hết thì tự nhiên bình đẳng, bệnh này từ trước trong tĩnh quán, ở trước sinh ra, mê kia lấy yên tĩnh làm hạnh, và lắng đọng lời nói của các niệm, do đó thành bệnh này.

Muốn cầu viên giác: Nghĩa là nói dứt vọng tức chân. Tánh viên giác kia không chỉ hợp, giác vốn vô niệm, thấy niệm đã trái, tánh vốn sáng suốt, mê chiếu cũng mất. Niệm vô mà có, đã dừng dứt khiến không, chiếu có mà ẩn, sao không quán sát để cho hiển rõ. Lại, chân vốn vô niệm, niệm đã trái chân, tánh vốn chẳng có chỉ, chỉ cũng trái tánh, nên nói không dừng hợp. Nên trước nói: đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt.

Gọi là bệnh: bốn là dứt trừ tâm cảnh.

Bệnh diệt: trước chỉ ngừng dứt tâm niệm cho vắng lặng, ở đây thì chấp thân tâm căn trần xưa nay vắng lặng. Lại, trước không ngại thấy có căn trần, chỉ không tùy niệm ái nhiễm, nên nói ngừng dứt, ở đây thì với căn trần cũng không, giữ gìn tướng vắng lặng, do thấy không vô nên nói trừ diệt.

37. Hình thức khác của bệnh:

Nếu lại có người nói như vậy: Nay ta dứt hẳn tất cả phiền ão, thân tâm rốt ráo là không, không thật có, hướng chỉ là căn trần cảnh giới luống dối, ý nói: gốc phiền ão chính là thân tâm, nếu chấp thân tâm thì phiền ão làm sao dứt? Cho nên nêu dứt phiền ão, giải thích thân là không, lại dứt hết phiền ão không ngược với thân tâm, thân tâm còn không, căn trần làm sao có?

Tất cả hoàn toàn vắng lặng, muốn cầu viên giác, thân...vốn không nên gọi hoàn toàn vắng lặng, các tướng đã mất hẳn thì tướng vắng lặng hiện tiền, muốn đem tâm này cầu chứng viên giác, bệnh này từ trong quán tịch mà có ra. Trong các luận kia đều nói: vắng lặng và dứt phiền ão, mê kia thành bệnh này.

Tánh viên giác kia chẳng phải sự vắng lặng, bởi giác thể sáng suốt không chỉ vắng lặng. Nay diệt hoặc, trụ tịch, đâu được tướng ứng? Hướng chỉ viên giác chẳng động chẳng tĩnh, vừa động vừa tĩnh, số cát sông hằng diệu dụng vô ngại khó nghĩ, trụ trong tâm vắng lặng đâu thể kế hợp? Nói thì dường như gần, lý thì là hoàn toàn xa, vì trái với lý nên nói chẳng phải.

Gọi là bệnh, là ba kết thúc nói về chân ngụy.

38. Là bốn bệnh thì biết thanh tịnh:

Là bốn bệnh thì biết thanh tịnh, dùng bốn hạnh trước tự nghiệm

tâm mình, hễ rơi vào bất cứ một môn nào thì biết là bệnh, nên nói lia thì biết thanh tịnh, nhưng bốn môn trên đều được các kinh khuyến khích khen ngợi, huống chi ba quán trước đều có văn này. Nay ở đây cho là bệnh là có hai ý.

1. Trong bốn bệnh đều không có quán tuệ.
2. Chỉ hưởng tâm riêng trụ một hạnh.

Không tìm bạn lành ý tốt, không nghiên cứu Phật giáo văn hay, vừa mới ngộ nghĩa của một môn, thì không thể thờ phụng minh sư lâu dài, mới thấy văn mẫu nhiệm một kinh, liền không thể rộng nghiên cứu Thánh ý, chỉ tham lam riêng xét, chấp một làm viên, cho nên văn kinh đều trách là bệnh. Nếu có thể cả bốn đều thông suốt, không mắc kẹt vào một môn, chính là trong bốn môn này cùng ngang nhau đều nhập đạo, tuy nhiên thực hành các hạnh, xưa nay nhậm vận thanh nhàn, mặc dù đốn giác thân tâm vốn không, nhưng tập khởi cần phải dứt bỏ, lại phải thường thâm hợp với giác thể, không được nhận bốn làm tâm, thời tự nhiên lúc nghỉ chẳng phải nghỉ, khi làm chẳng phải làm, nên kinh Tịnh Danh chép: Chỉ trừ bệnh mà không trừ pháp.

39. Thực hành quán này gọi là chánh quán, quán khác là tà quán:

Thực hành quán này gọi là chánh quán, tức trên đã giải thích trừ bệnh pháp còn, chính là chánh quán, mặc dù không nhận bốn bệnh, mà tuệ giải chiếu rõ, nhưng không lo rơi vào trong bốn, liền không “kiến chí lập tiết”.

Nếu quán khác gọi là tà quán, lại có khi nghe đây bốn lỗi lia bốn. Lại sinh tình, liền tin vào lòng dạ làm kiến giải riêng, nên nói tà quán, lại người thực hành quán ấy, thì lia bốn, người quán khác là nhận bốn, khi hỏi vì nói, để phân biệt với khi thầy câu lia bệnh ấy, vì nói người học tự lia bốn bệnh, nếu nói bệnh của thầy thì đâu cần nêu riêng mục lục trong câu hỏi. Lại kết thúc nói thực hành quán ấy...

Nếu nói người học bệnh thì vì sao nêu pháp mẫu của Thiện tri thức sở chứng lẽ ra lia bốn bệnh?

Trả lời: Cả hai đều không khác, đã nghe kinh biết bệnh, phải cầu thầy lia bệnh, đã thờ thầy này, tức là tu hành lia bệnh, nhưng trong giải thích riêng, hoặc thầy hoặc trò bệnh không có tướng riêng, tuy hợp hai ý mà không hai đường. Trong văn giải thích kết thì phải phân biệt, nếu kết thúc hành nhân thì nương giải thích trước, hoặc kết thúc phân biệt với, thầy thì không có bốn bệnh, liền phải trở về nương, gọi là chánh quán, hoặc dù chỉ riêng câu, gọi là tà quán, nên giới Bồ-tát nói: Pháp sư

kia hoặc dòng họ thấp kém, tuổi nhỏ nghèo hèn, mà thật có đức, vì thế không được xem dòng họ của pháp sư, ý nói: Chỉ cần quán trong bệnh lìa và không lìa, chẳng quán chủng tánh sang hèn.

40. Nói về tâm thờ thầy:

Phân biệt tâm thờ thầy.

Ở đây sẽ trả lời câu hỏi thứ ba làm những hạnh gì? cho nên nói rằng: Muốn tu hành, kết thúc nói tu hành như thế, nhưng vả lại chỉ nói thờ thầy, không có hạnh khác, cho nên chỉ soạn khoa này chia ra để phải tu hành, nghĩa là hạnh môn Bồ-tát vốn không chắc chắn dấu vết cũ, tùy theo việc đương thời theo căn cơ khác nhau, chỉ khiến khéo kính thờ minh sư, minh sư sẽ tự gặp việc mà chỉ bảo, cũng giống như Thiện Tài với Văn-thù đối đãi phát tâm Bồ-đề rồi hỏi hạnh Bồ-tát, Văn-thù không nói đủ, chỉ dạy là gần gũi Thiện tri thức.

41. Cúng dường bạn lành, kính thờ thiện tri thức:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp muốn tu hành nên phải hết sức cúng dường bạn lành, kính thờ Thiện tri thức. Như Thiện Tài ở phía Nam đã qua Phổ Hiền ở phía Tây. Kinh Niết-bàn chép: Chính là đầy đủ nhân duyên, cho nên kinh Pháp Cú chép: Thiện tri thức như cha mẹ, mặt, mũi, tay, chân, bậc thềm, cơm áo, áo giáp, dao, thuốc... Cho đến nói: Này người thiện nam! Thiện tri thức có vô lượng công đức như thế, cho nên nay ta bảo người gần gũi, đại chúng nghe rồi cất tiếng than khóc...

Thiện tri thức kia muốn đến gần gũi, nên dứt kiêu mạn, thiện hữu độ người bằng nhiều phương tiện, thầy trò tâm khế hợp ý mới truyền pháp, vì thế y theo căn cơ chúng sinh, gần gũi lẫn nhau, người ngu không biết, liền sinh kiêu mạn, mạn đã che tâm thì không thể nhập đạo, vì thế nói nên dứt bỏ.

42. Cách tu để nhập vào Viên giác:

Nếu lại xa lìa nên dứt bỏ sân hận: hoặc muốn dứt trừ kiêu mạn, hoặc gặp duyên khác, cùng xa lìa nhau liền sinh tức giận, rằng sợ ta thân kia, nói yêu nói ghét đã một niệm sân thì trăm ngàn chướng khởi. Chẳng những mất đạo, mà còn rơi vào ba đường, nên ở đây dạy dứt bỏ. Luận ngữ nói: Chỉ có nữ giới (con gái) và Tiểu nhân là khó nuôi dưỡng, gần thì không khiêm nhường, xa lại oán trách, oán thì tức giận, không nhường thì kiêu mạn.

Hiện cảnh nghịch thuận, xa lìa gọi là nghịch, gần gũi gọi là thuận. Lại trái với tình gọi là nghịch, theo tình gọi là thuận, nên kinh Thắng-man chép: Người đáng nhiếp thọ thì nên nhiếp thọ.

Người đáng chiết phục thì nên chiết phục, Phật pháp tồn tại lâu dài giống như hư không, tâm không thay đổi.

Biết rõ thân tâm rốt ráo bình đẳng cùng các chúng sinh đồng thể không khác. Kết thúc chỉ bày bi trí đồng thể, sở dĩ như vậy. Vì nếu không hiểu thiện hữu và các chúng sinh và mình đồng thể thì tuy biết Bồ-đề có thể tiến, mà không thể khuất phục để thờ thầy, tuy biết Tát-đỏa đáng thương, mà không thể quên thân mở đạo, nên ở đây chỉ bày.

Tu hành như vậy mới nhập vào viên giác, kết nhân thành quả, bốn gọi là hạnh trừ bệnh. Chính là trả lời câu hỏi thứ tư trừ bỏ bệnh gì, vẫn có hai: trước là nói chữa trị.

43. Lý do không được nhập vào Viên giác:

Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp không được thành đạo, do có (tự tha) mình, người, yêu, ghét, tất cả các hạt giống từ vô thủy, chưa giải thoát, mình, người, yêu, ghét trước đã nhiều lần nói rõ nay lại nói nữa, do các hạt giống này là bệnh vi tế vào đạo, do các hạt giống này khó khế hợp tròn sáng, tùy theo pháp môn sở văn (đã nghe) liền sinh tâm tác ý, bỏ đây nhận kia, ghét vọng yêu chân, khó quên năng sở, nên sau có thể chữa trị, nói liền trừ các bệnh, hiện hạnh thô nên dễ biết, hạt giống nhỏ nhiệm nên khó rõ, vì thế chỉ riêng. Sau nói có thể trị, vẫn có hai:

44. Quán bình đẳng:

1) Đẳng tâm quán nhân (quán người và tâm bình đẳng) nếu lại có người oán kẻ thù kia, như cha mẹ mình tâm không có hai, liền dứt trừ các bệnh. Trong bảy phẩm hành từ, đây là kẻ thù bậc thượng, đồng với thân ở trước. Quán đã đồng nên cùng vui trên.

2) Quán pháp và tâm bình đẳng.

Đối với các pháp mình, người, yêu, ghét cũng giống như thế, trước đã nói kẻ thù và cha mẹ không hai. Đây dụ cho quán pháp nên nói Niết-bàn, sinh tử không khác, không khác thì không tự, tha, yêu, ghét. Nên biết các bệnh chỉ do yêu chân ghét vọng, thấy mình, thấy người, không thể thờ thầy lâu dài, chỉ tự sinh tình khởi hạnh, nay đã dứt bỏ hạt giống này thì các bệnh tự trừ. Vì thế trong quán người tức trừ các bệnh, ở đây nói cũng giống như thế. Lại, trong các pháp này nói tự, tha, yêu, ghét rất khác ở đoạn trước, đoạn trước không nói pháp.

- Nói về phát tâm rộng lớn, là trả lời câu hỏi thứ năm, vẫn có ba:

1. Nêu chung phát tâm.
2. Nói riêng về tướng của tâm.
3. Kết thúc chung về lìa tà.

45. Muốn cầu Viên giác thì nên phát tâm:

1) Này người thiện nam! Chúng sinh đời mạt pháp muốn cầu viên giác, nên phải phát tâm nói như vậy: Nhân địa của chư Phật đều phát tâm này, nương đây nguyện tu mới thành chánh giác. Nếu không có tâm nguyện hướng dẫn, thì sự tu hành cũng không thành.

2) Nói riêng về tướng của tâm: Ở đây đồng với trong kinh Kim cương đủ bốn tâm, bốn tâm ấy: bài tụng của Ngài Di-lặc nói trong kinh ấy: rộng lớn bậc nhất, tâm kia thường không điên đảo, ở đây vẫn có hai, hai vẫn hợp.

a) Rộng lớn bậc nhất.

Tất cả chúng sinh Khấp cả hư không, tâm là rộng lớn. Kia nói bốn sinh chín loài.

Ta đều khiến nhập viên giác rốt ráo, tâm bậc nhất. Kinh ấy nói nhập Vô dư Niết-bàn, đều tùy theo tông. Nhưng Bồ-tát phát tâm đều không chia cắt. Bình đẳng với thế giới chúng sinh, không phân biệt oán thân, khắp khiến tu hành đồng trở về viên giác, hư không chúng sinh không có bờ mé. Bi nguyện Bồ-tát cũng giống như thế. Do phát nguyện này tự huân thành hạt giống, nương nguyện lực này nhậm vận hóa độ, không cần khởi tâm. Chư Phật ba đời đều đồng với ở đây, nếu không như thế, thì không khác Nhị thừa.

b) Thường không điên đảo.

Đối với viên giác không chấp giác, tâm là thường. Khi ngã nhập giác, ngã tức viên giác, chúng sinh cũng giống như thế, làm sao có thủ? Cho nên ngài Thiên Thân nói: Tự thân diệt độ không khác chúng sinh, nên gọi là thường tâm. Nếu có chúng sinh nhờ ngã nhập giác, thì chẳng phải thường.

Trừ tất cả các tướng ngã nhân kia, tâm không điên đảo, cho nên ngài Thiên Thân nói: xa lìa chỗ nương, đích thân thấy tướng chúng sinh... nên ngài Vô Trước nói: đã dứt ngã kiến, được tự hành ý tướng bình đẳng, nên tin hiểu tự, tha bình đẳng. Trên đây đều là ý kinh thật không có chúng sinh nào được diệt độ. Nếu có các tướng ngã nhân... thì không phải Bồ-tát.

c) Kết luận chung về lìa tà.

Phát tâm như thế không rơi tà kiến: Rất dễ hiểu, trong văn kệ có năm: Hoàn toàn giống với Văn xuôi.

46. Phật nói bài kệ:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng: Lại nêu lên.

*Phổ giác ông nên biết
 Chúng sinh đời mạt pháp
 Muốn cầu Thiện tri thức
 Nên phải cầu chánh kiến.
 Tâm xa lìa Nhị thừa.*

Trong pháp trừ bốn bệnh, là tác, chỉ, nhậm, diệt.

Gần người không kiêu mạn, xa lìa không tức giận, thấy các thứ cảnh giới. Tâm nên sinh ít có, giống như Phật ra đời, là ba.

Văn xuôi thông suốt đã đồng phạm phu, đây là kính thầy như Phật.

Không phạm chẳng luật nghi, giới căn mãi thanh tịnh, là bốn chỉ tụng năng tri trước, vì sở trị yêu ghét là nhân phạm giới, nói rằng chưa giải thoát cũng trái với giới đức, ở đây nói không phạm và mãi thanh tịnh.

Độ tất cả chúng sinh, vào viên giác rốt ráo.

Không tướng ngã nhân kia, phải nương chánh trí tuệ liền thoát khỏi tà kiến, chứng giác nhập Niết-bàn, là năm, câu này văn xuôi không, ở đây có, nghĩa của bát Niết-bàn, để đối với Phật xuất hiện ở văn dưới, văn sẽ giải thích.

47. Hỏi đáp về gia hạnh:

Sau một câu hỏi đáp, đạo tràng gia hạnh, hạ căn tu chứng, chỗ đặc đạo gọi là đạo tràng, nghĩa là ở chỗ này ý chí thệ nguyện hạn kỳ, gia công dụng hạnh để cầu chứng nhập, nên gọi là gia hạnh. Hạ căn tu chứng: Nghĩa là tuy tin hiểu pháp trước, mà chướng nặng, tâm thô phù, phải vào đạo tràng tự theo khuôn phép, duyên mạnh cảnh tốt thì công dụng có lúc đạt được, ở đây hỏi vào đạo tràng chỉ là tu ba quán trước, đâu được làm khoa lớn riêng?

Trả lời: Pháp môn quán hạnh tuy giống nhau, nhưng phương tiện tu khác nhau, tùy căn cơ lập bày, cho nên văn đây hết trước nói không. Hoặc ở trong Già-lam (chùa) sắp đặt đồ chúng ở yên, tùy phần suy nghĩ quán sát, như ta đã nói, kết thúc rồi sau nói nghi thức đạo tràng, cho nên biết là một đoạn riêng. Bấy giờ, Bồ-tát Viên giác: Nghĩa như trước đã giải thích, văn có bốn: Phần đầu của ba phần đầu.

48. Bồ-tát Viên giác lễ Phật, thưa hỏi:

Ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: là phần chính nói trong đó có hai:

1. Trước chúc mừng.

49. Xin Phật nói rộng phương tiện tịnh giác:

Xin Đức Đại Bi Thế Tôn vì chúng con nói rộng các thứ phương tiện của tịnh giác, khiến chúng sinh được lợi ích lớn, giải thích rất dễ hiểu.

Thỉnh mời sau.

Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con đã được khai ngộ, theo văn chúc mừng trước.

Nếu sau khi Phật diệt độ chúng sinh đời mạt pháp những người chưa được ngộ: Nêu việc phải làm. Dưới đây chính thức thỉnh rằng: Vì sao an cư tu cảnh giới thanh tịnh viên giác này: Hỏi về đạo tràng.

Ba thứ tịnh quán trong viên giác này lấy gì làm đầu? Hỏi về gia hạnh. Cúi mong Đại Bi vì các đại chúng và các chúng sinh đời mạt pháp làm lợi ích lớn, kết lời thỉnh mời, dưới đây xưng ba lần mô phỏng theo trước.

50. Phật trả lời Bồ-tát Viên giác:

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Ông mới có khả năng hỏi Như lai phương tiện như thế, làm lợi ích lớn cho các chúng sinh. Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Viên giác vui mừng vâng lời chỉ dạy, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong văn xuôi có hai:

1. Trả lời đạo tràng.

2. Trả lời gia hạnh.

Trong phần đầu có hai:

a) Kết thúc trước.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc Phật trụ thế, hoặc Phật diệt độ: Chánh pháp, tượng pháp.

Nếu khi mạt pháp có các chúng sinh có tánh Đại thừa, đời trước có nghe huân tập hạt giống. Không đồng với duy thức phân biệt với các tánh khác, tin Phật bí mật đại viên tâm giác văn tuệ mới mở.

51. Phải phát tâm Bồ-đề:

Người muốn tu hành phát tâm Bồ-đề: Trên đều nói về đương cơ. Hoặc tại già-lam, xếp đặt đồ chúng ở yên, có duyên sự nên tùy phân suy xét như ta đã nói, nghĩa là Bồ-tát Viên cơ, không đấm nhàn rồi, lập bày các việc lợi ích, rộng độ chúng sanh, pháp môn tu học, tùy theo trong phần nhân rồi kia, thì liền suy nghĩ quán sát ba quán, nên nói là tùy phần, chẳng gọi kiến giải chưa đủ, gọi là tùy phần.

b) Chính thức nói, vẫn có ba:

1. Kỳ hạn đạo tràng.
2. Thời gian tu hành.
3. Khuyên răn về tà chánh.

- Nếu lại không có nhân duyên việc khác, Bồ-tát gặp lợi ích liền làm, gặp duyên liền đến, như những việc làm quan trọng trong kinh Pháp Hoa, liền lập đạo tràng, nên lập kỳ hạn nếu lập kỳ hạn dài một trăm hai mươi ngày, kỳ hạn vừa một trăm ngày, kỳ hạn ngắn là tám mươi ngày, nếu không thắng lợi, thì phải lập đạo tràng khắc phục ý chí gia công để đợi chờ Thánh quả, ba kỳ đều là tự lợi, vì để phân biệt với lợi tha cho nên gọi là không có việc khác. Cũng có thể vua, giặc, mạng nạn gọi là là việc khác. Hạn định là ba kỳ, nếu quá thì sinh tâm mệt mỏi, thiếu thì công hạnh chưa đủ nên lượng khắc ba kỳ cũng không có nghĩa khác, nhưng y theo phối với ba căn, kia có hai ý.

1. Nói về chướng hết khó dễ, phối với hạ căn thời kỳ dài, trung căn thời kỳ vừa, thượng căn thời kỳ ngắn.

2. Nói về phối hợp tinh tấn biếng nhác: tức là trái với ở đây, căn có lợi căn, độn căn, kỳ có xa gần, tùy bệnh cho thuốc chính là nghĩa ở đây?

52. Sắp đặt chỗ ở riêng:

Bố trí chỗ ở yên muốn cho trong ngoài thanh tịnh, thân tâm trong sạch, sự lý xứng hợp.

- Trong giới hạn tu hành, vẫn có hai:

1. Nói về hành tướng đạo tràng.
2. Nói về gặp hạ an cư.

- Trước vẫn có hai:

a. *Nói về tùy tướng dụng tâm.*

Hoặc Phật hiện tại, đối với chúng Bồ-tát trong hội đương thời.

Nên chính suy nghĩ: Nói về không cần thiết tượng... nên biết duy tâm, không có cảnh giới bên ngoài.

Hoặc Phật diệt độ, đối chúng sinh thời mạt pháp lập bày hình tượng, tâm giữ mắt tưởng, sinh nhớ nghĩ chân chính, lại đồng với khi Như lai thường trụ, nói về ý nghĩa lập tượng, nghĩa là Đại sư qua đời, không thấy chân nghi, lập tượng để quán dẫn tâm vào pháp, tưởng tức vô tướng liền thấy Như lai, cũng có thể tưởng chân thân Phật thường còn không diệt. Nếu nói xứng lý là quán hạnh không dứt quăng chính là Phật hiện tại, khi dứt quăng là Phật diệt độ, sau khi dứt quăng lại thực hành quán là thực hành suy nghĩ. Là thiết tượng tồn tưởng, nay lại

nướng việc làm để giải thích.

b. Dưới đây là nói về nghi thức sám hối.

53. Cách lập đàn tràng:

Treo các phướn đẹp, sửa soạn đàn tràng, đầy đủ như kinh Phương đẳng nói. Trải qua hai mươi một ngày, cách thời gian lâu mau, kinh Phương đẳng ít nhất là bảy ngày, lâu thì không ngại. Kế lại sau đây nói về pháp sự, y theo kinh Ly Cấu Tuệ Bồ-tát Sở Vấn Lễ Phật Pháp thì gồm có tám điều quan trọng:

54. Kinh nói có tám điều quan trọng:

1. Cúng dường.
2. Tán Phật.
3. Lễ Phật.
4. Sám hối.
5. Khuyến thỉnh.
6. Tùy hỷ.
7. Hồi tưởng.
8. Phát nguyện.

55. Nói về sám hối và lễ Phật:

Ở đây lược bớt chỉ còn hai:

Là sám hối và lễ Phật. Nhưng văn tuy lược pháp phải đủ hạnh. Trong luận cũng nói: nên phải siêng năng lễ Phật, sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, thường không dừng nghỉ, được khỏi các chướng, thêm lớn gốc lành. Kinh Hoa nghiêm cũng dạy lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối...

Đảnh lễ danh hiệu chư Phật mười phương là lễ Phật, dùng danh hiệu xưng tán quán sát đảnh lễ. Theo lễ Phật quán môn của Tam tạng Lạc-na, thì có bảy thứ hơn kém.

1. Ngã mạn lễ.
2. Xưng họa lễ (hai cách này chẳng đúng).
3. Cung kính lễ: Kính từ trong tâm phát ra ở thân, miệng, năm luân gieo sát đất.
4. Vô tướng lễ: Vào sâu pháp tánh, lìa tướng năng sở.
5. Khởi dụng lễ: Quán thân và Phật đều từ duyên khởi, như huyễn như bóng, vận khắp thân tâm lễ khắp tất cả.
6. Nội quán lễ: Chỉ lễ pháp thân chân Phật, không duyên Phật khác.
7. Thật tướng lễ: Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc phàm, hoặc Phật đồng một tướng, thấy có Phật để lễ cũng là tà kiến, quán thân thật

tướng quán Phật cũng giống như vậy, gọi là bình đẳng lễ, cho nên ngài Văn-thù nói: Không sinh không diệt, kính lễ vô sở quán... nhưng bốn phép lễ sau đều thuộc quán hạnh, nghĩa là không quán lễ chân đế Phật thứ tư, là tánh của nhập pháp. Năm là giả quán lễ tục đế Phật, từ lễ khởi dụng. Sáu là trung quán lễ Đệ nhất nghĩa đế Phật: Chẳng chấp không, sắc, thấy thẳng bốn giác chân tánh. Bảy là Tam quán Nhất tâm lễ tam đế Nhất cảnh Phật. Không lấy chân bổ giả, dứt bật, không nương tựa. Nay kinh đã là trong môn tùy tướng, lại phải là lễ thứ ba, thứ năm. Các pháp lễ còn lại là lia tướng nhiếp niệm trung.

56. Lại nói về sám hối:

Cầu xin sám hối, nói đủ là Sám-ma, Hán dịch là Hối quá, nếu nói riêng thì sám nghĩa là trình bày phát lộ tội trước, hối: chừa bỏ lỗi lầm về sau, chỗ sám pháp kia không ra ngoài ba chương hoặc nghiệp báo... nay muốn sám phải biết nguyên nhân lần lượt phát sinh, do bất giác vô trí, khởi tham, sân, si, phát sinh thân, miệng, ý, gây ra tất cả nghiệp, chịu các khổ não, sám có hai ý: Hoặc nói trách tâm, ba chương đều sám, hoặc y theo sở tác, chỉ sám nghiệp ác. Nghiệp ác lại có tánh tội, già tội. Già tội nương giáo thực hành pháp sám. Tánh tội thì phải khởi hạnh. Khởi hạnh có hai:

1. Sự hạnh: như kinh Phương Đẳng Phật Danh...

2. Lý hạnh: như kinh Tịnh Danh quán tội không ở trong, ngoài... ngoài ra ý như trên.

57. Các tướng lành của việc sám hối:

Gặp cảnh giới tốt là cảm ứng, hoặc thấy tượng Phật, hoặc thấy ánh sáng, không khởi tâm cho là mình chứng Thánh gọi cảnh giới tốt, nếu khởi tâm cho mình chứng Thánh liền rơi vào các tà, nên văn sau nói: chẳng có sở văn ấy, tất cả cảnh giới cuối cùng không nên che lấp, nếu theo ý của Thiên Thai thì liền tương ứng với tín... gọi là cảnh giới tốt.

Tâm được nhẹ nhàng: Được lợi ích. Thân tâm đều hòa thoải mái nhẹ nhàng, lợi ích an hòa. Tinh thần sáng khoái thanh thản (chi thể) nhẹ nhàng tươi mát.

58. Nói về lia tướng dụng tâm:

Kế là nói về lia tướng dụng tâm. Được hai mươi mốt ngày (theo ở trước) một bề nhiếp niệm, cũng gọi là hội duyên nhập thật, nghĩa là ban đầu dùng tâm trần thô trọng, để nương tướng tốt làm duyên. Tướng đã vắng lặng nên nhập thật. Về nhiếp niệm:

Luận chép: Nếu tu chỉ thì trú ở chỗ yên, ngồi thẳng chánh ý, cho

đến nếu tâm rong ruổi, liền nên nhiếp về, trụ vào chánh niệm. Chánh niệm: nên biết duy tâm, không có cảnh giới bên ngoài, nhưng luận và kinh đều trước phải lễ sám... để trừ bỏ trước của hoặc nghiệp, kể là dùng chánh niệm thu nhiếp sự tán động rong ruổi vừa không lại vừa lặng, mới có thể hiện tượng Phật. Ba là nói về gặp hạ an cư, vẫn có ba:

59. Nói về gặp hạ an cư:

1. Nêu khác với Thanh văn: hoặc trải qua ba tháng hạ an cư, nên vì Bồ-tát thanh tịnh chỉ trụ. Song lập đạo tràng, hoặc lập ở chùa, hoặc ở chỗ khác, kỳ hạn chưa đủ đầu hạ đã đến, nhập chúng an cư thì trái thế ước. Dấy niệm kết hạ thì lộn xộn quán tâm, người trong đạo tràng do đây nghi hoặc, xa nghĩ Như lai cho nên nói rõ, vì thế tục mà trái luật thì sai, vì việc lớn mà bỏ việc nhỏ thì không lỗi, cho nên kinh quyết định Tỳ-ni chép: Giữ giới Thanh văn là phá giới Bồ-tát, giữ giới Bồ-tát là phá giới Thanh văn. Tâm là Thanh văn: Đại tiểu khác nhau. Kể là ở dưới nói: Không nhờ đồ chúng không cần sáu hòa, đến ngày an cư liền ở trước Phật nói như vậy: Nói như dưới đây.

2. Chính thức trình bày câu.

Con là Tỳ-kheo: là tiếng Phạm, gồm có ba nghĩa nên giữ tiếng phạm không dịch. 1. Bố ma. 2. Khất sĩ. 3. Tịnh giới.

Tỳ-kheo-ni: ni là nữ, Tỳ-kheo nữ.

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di: Hán dịch cận sư nam, cận sư nữ, nghĩa là gần gũi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà giúp đỡ. Tức là người nam và người nữ đã quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ trì năm giới cấm. Tiểu thừa hạn cuộc trong hai chúng, Đại thừa đạo tục đều thấm nhuần.

Tên là mỗi vĩ đều tự xưng tên mình.

Y cứ Bồ-tát thừa: Phân biệt với xe trâu, xe dê. Tu hạnh vắng lặng: Phân biệt với hạnh tứ đế.

60. Thân tâm an cư:

Đồng nhập vào thật tướng thanh tịnh trú trì: Để phân biệt với sự tướng trụ trì. Dùng đại viên giác làm già-lam của con: Hán dịch là chúng viên. Viên (vườn) là chỗ chúng ở, viên giác là sở y (chỗ nương) của muôn đức, do biển tám thức lóng trong chảy vào vắng lặng, thể trùm khắp pháp giới nên được gọi là đại, trong tứ trí thì thuộc về đại viên cảnh trí. Thân tâm an cư, thân là năm thức, nương sắc thức phát ra, tâm tức là ý thức, vì năm thức nhận trần, ý thức phân biệt huân.

Sóng từ đó sinh nên không gọi an. Nay ý không phân biệt, năm không vọng duyên, biết sóng vắng lặng, cùng thể nhất như, nên gọi an, thân an tức là thành sở tác trí, tâm an nên thành diệu quán sát trí.

Bình đẳng tánh trí: Ở đây do bốn hoặc tương ứng, vọng chấp lại-da làm ngã trong chính mình, đối với lý bình đẳng, khởi nên cái thấy không bình đẳng, nay sở duyên tánh đã vắng lặng, năng duyên bảy thức tự như, như tánh đều đồng, nên là bình đẳng.

Tự tánh Niết-bàn không bị hệ thuộc: Vì để phân biệt với Nhị thừa chấp đắm nơi chốn, nay thuận theo pháp tánh nên không sở thuộc.

61. Không an cư với Thanh văn, an cư với Phật và Đại Bồ-tát:

Nay con cung kính thừa thỉnh, không nương Thanh văn, nên cùng Như lai mười phương và Đại Bồ-tát an cư ba tháng, vì tu diệu giác vô thượng của Bồ-tát duyên lớn. Không hệ thuộc đồ chúng: Tiểu thừa, Đại thừa an cư, lược có tám dị:

1. Sở y dị: Biệt giới viên giác.
2. Giả thật dị: Định thật thị hiện.
3. Trú trì dị: Sự tướng thật tướng.
4. Kết an dị: Đối thú tác pháp riêng xưng danh hiệu mình.
5. Thành an dị: Thân không ra khỏi giới, tâm không khởi niệm.
6. Thất an dị: Thân ra khỏi giới, niệm khởi trái gốc.
7. Hoàn giới dị: Thân không vượt thời và giới, niệm không xen hở nên giác ngộ.
8. Sở kỳ dị: Quả A-la-hán, Vô thượng Bồ-đề, vì có tám điều dị này, nên nói không nương và làm chỗ tu. Nhân duyên lớn: Ý không chấp tiểu tiết.

Kết thúc chỉ bày kỳ hạn nghỉ.

Này người thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thị hiện an cư.

61. Nói thêm về an cư:

Quá ba kỳ, mỗi ngày trôi qua không ngại: Đạo tràng ba kỳ đã mãn, Tiểu thừa hạn định, mùa Hạ chưa xong, vì gốc không phải Tiểu thừa an cư cho nên không ngại, tùy đi không ngại.

- Răn dè chấp lấy tà chứng.

Này người thiện nam! Nếu chúng sinh tu hành đời mạt pháp kia, cầu đạo Bồ-đề, nhập vào ba kỳ: Chỉ cho hành nhân ở trước. Chẳng phải sở văn kia tất cả cảnh giới không hề đáng chấp lấy: Nêu chung cảnh sở chứng trong gia hạnh, răn nhắc sai lầm kia, nói tín giải hạnh chứng tuy giai cấp khác nhau mà pháp sở tín cho đến sở chứng xưa nay không khác, nghĩa là hiểu thì hiểu sở tín kia, tu thì tu sở giải kia, chứng thì chứng sở tu kia, nay nói chứng được cảnh giới, hoặc chẳng phải các pháp sở tín... thì không nên chấp. Hai là trả lời gia hạnh, văn có ba:

62. Nói về gia hạnh:

1. Tu riêng ba quán.
2. Tu cả ba quán.
3. Tu xen lẫn ba quán.

Ban đầu, vẫn có hai:

- Giải thích riêng
- Kết thúc chung.

Trong phần đầu có ba:

- a. Tĩnh quán.
- b. Huyền quán.
- c. Tịch quán.

Trong phần đầu lại có ba:

Một là Tu quán thành.

63. Tu-Xa-ma-tha như thế nào?

Này người thiện nam! nếu chúng sinh tu Xa-ma-tha, trước chấp lấy chí tĩnh, không khởi suy nghĩ: nghĩa như trên giải thích. Tĩnh cùng cực liền giác, thoát khỏi tướng động tĩnh, viên giác hiển hiện, như trước từ không nhập trung.

Sơ tĩnh như thế, từ một thân cho đến một thế giới, giải thích tướng tĩnh, ở trên tự tha trùm khắp, tĩnh trùm khắp tuy không trước sau, nhưng y theo hành nhân thú nhập, nên từ hẹp đến rộng.

Giác cũng giống như thế, ví dụ cho tĩnh: lẽ ra nói sơ giác như thế từ nơi một thân đến một thế giới. Tĩnh tức là thể, là định. Giác tức là tuệ, là dụng. Sơ quán thành không thấy tướng của tự thân. Gọi một thân tĩnh, do khi thân tĩnh thì đương thể là giác, gọi là nhất thân giác. Thế giới cũng vậy.

Hai là khởi công dụng.

Này người thiện nam! Nếu giác trùm khắp một thế giới, trong một thế giới có một chúng sinh, dấy một niệm thấy đều biết được, biết niệm chúng sinh, thế giới đã hoàn toàn thành giác, chúng sinh hoàn toàn ở trong giác, nên niệm sở khởi đều thông suốt, như bóng soi vào gương, gương chiếu không sót.

Trăm ngàn thế giới cũng giống như thế, giống như đây có thể hiểu, nói thời dùng một so sánh với cho nhiều, giác phát thì đồng thời đã trùm khắp.

Ba là rần dè tà chứng.

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không nên chấp lấy, văn nghĩa đều giống như trên.

Kế là huyền quán, vẫn có hai:

1. Nói về chánh quán:

64. Tu-tam-ma-bất-đề-như-thế-nào?

Này người thiện nam! nếu các chúng sinh tu Tam-ma-bất-đề, thì trước phải nhớ nghĩ Như lai mười phương, tất cả Bồ-tát mười phương thế giới, nương vào các môn, thứ lớp lần lần siêng năng tu hành Tam-muội. Trước đến tĩnh quán không nhờ duyên bên ngoài, trong huyễn môn đại khởi phải nương Thánh cảnh, trong đoạn oai đức ở trước nói viên, cho nên y theo đại bi hóa sinh. Nay trong đại tràng lại tự khắc tu, cho nên y theo đại trí cầu Phật, cũng có thể chư Phật, Bồ-tát sẽ dùng đại bi làm gốc. Nhưng nương vào Phật, Bồ-tát các thứ pháp môn tự nhiên có đủ đại bi. Trong đạo tràng lại học tâm từ bi, hạn đủ đối duyên liền đem ứng dụng giáo hóa. Thứ lớp: chí tĩnh ở trước quay về thể công thì đốn hiện. Nay theo tướng khác nhau cho nên thứ lớp. Cho nên trước có khởi công dụng, nay thì không có văn, chính là ý này.

Rộng phát đại nguyện, tự huân thành hạt giống: nguyện nghĩa là mong cầu ưa muốn, chúng sinh từ vô thủy đến nay niệm niệm mong muốn cảnh cảnh năm trần, nay đã liễu ngộ, nên phát tâm niệm niệm mong muốn cảnh sáu độ bi trí... huân tâm thành quen, nên nói hạt giống.

2. Răn nhắc tà chứng.

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không nên chấp lấy: Đồng như trên.

Kế là Tịch quán, văn có ba:

- Tu quán thành.

65. Tu Thiên-na-như-thế-nào?

Này người thiện nam! Nếu các chúng sinh tu Thiên-na, trước chọn số môn, đây có hai ý:

- Trước dùng sổ tức quán môn, trị các giác quán từ từ nhập diệu cảnh, nhưng tu hơi thở ra vào: Có sáu diệu môn:

1. Sổ.

2. Tùy.

3. Chỉ.

4. Quán.

5. Hoàn.

6. Tịch.

Hoặc y theo thứ lớp, hoặc tùy tiện, như sổ có giải thích rộng.

- Dưới đây tâm niệm sinh diệt sở tri, bèn là sổ môn.

Trong tâm biết rõ giới hạn đầu số của sinh trụ diệt niệm, do tâm trước dứt tướng nương hơi thở điều tâm tịnh, nên biết rõ trong tâm sinh

trú, dị, diệt, thô, tế, vọng, niệm, bốn, mặt, giới hạn, đầu mối, số lượng, nghĩa là sinh diệt mỗi thứ đều có một.

Trú: bốn, dị: hai kinh không có chữ “dị”, hoặc thoát nghĩa hoặc sơ lược, nghĩa phải có đủ, y theo luận nói Thập tín, phàm phu biết được tướng diệt, tam hiền biết được tướng dị. Bạc Thập địa biết được tướng trụ, vị mãn biết được tướng sinh. Biết được tướng sinh: Động niệm đều hết, chỉ còn nhất tâm, nên luận nói tâm không sơ tướng, mà nói biết sơ tướng, tức là vô niệm, nếu được vô niệm thì biết tướng tâm. Sinh trú dị diệt cho đến đều không tự lập, xưa nay bình đẳng, đồng một giác. Giải thích rằng đã nói động niệm đều hết, xưa nay bình đẳng, đồng một giác. Chính ngay môn này quán trong sự dứt đối đãi.

Hỏi: Văn không nói vô niệm, làm sao mà đồng với đây.

Trả lời: Thể dụng của ba quán văn ở chương trước. Văn này chỉ nói phương tiện của tu. Kia có niệm dứt đối đãi, lại có văn vắng lặng, do đó khoa nói linh tâm dứt đối đãi, dứt đối đãi vô niệm nhất giác linh tâm đâu chẳng đồng với tà? Cho nên biết tuệ của dứt niệm, mới có công năng biết rõ sinh trụ diệt niệm. Cho nên ở đây nói về quán.

66. Giải thích thêm về pháp tu:

Trùm khắp như thế, trong bốn oai nghi phân biệt niệm số, đều biết rõ. Ban đầu thì ngồi yên soi thấy, sau thì đi đứng đều biết, biết tức không lo lắng. Thí như yêu mị muốn dựa người, nếu gọi đúng tên chúng thì chúng biến mất. Kinh Niết-bàn chép: Như người biết là cướp thì cướp không thể làm gì được. Thứ hai là khởi công dụng.

Thứ lớp tăng tấn cho đến biết được, một giọt nước mưa trong trăm ngàn thế giới, giống như mắt thấy vật thọ dụng: Tịnh tâm là tự thể viên giác, thế giới vốn ở trong đó, quán hạnh thành tựu, hoàn toàn hợp với linh nguyện, như giọt mưa chẳng phải chỉ giọt mưa, muôn vật đều như vậy. Nêu một dụ nhiều, lại nêu giọt mưa, phàm phu mê chân tâm này, tùy niệm sở tri, nên không có dụng kia.

Kế là Răn nhắc tà chứng:

Chẳng phải tất cả cảnh giới sở văn kia đều không thể chấp lấy, nghĩa văn y theo ở trước.

Kế là tổng kết:

Đó gọi là phương tiện đầu tiên của ba pháp quán, trước hỏi rằng: Ba tịnh quán lấy gì làm đầu? Nên đáp rồi, kết thúc rằng: Đó gọi là đẳng, liền biết đoạn trước ba quán các luân tuy giải thích tướng đầy đủ, phương tiện thú nhập ở đây sẽ nói.

Hai tu cả ba quán:

67. Nếu tu cả ba thứ thì gọi là Như lai xuất hiện ở đời:

Nếu các chúng sinh tu cả ba thứ, siêng năng tinh tấn, thì gọi Như lai xuất hiện ở đời. Như lai vốn thị hiện sinh, chỉ vì lý do khuyên chúng sinh tu tập. Nay ba quán đã tu thì muôn hạnh đã đủ. Cho nên người này được gọi là Phật ra đời. Lại chính người này bốn giác là niệm, gọi là Phật ra đời, nhưng trước là bốn bệnh, nói rằng chứng giác bát Niết-bàn. Nay tu ba quán gọi Như lai ra đời. Nay đem Niết-bàn xuất thế tương đối mà giải thích, có hai môn.

1. Y theo thật nghĩa.

2. Y theo đối cơ. Thật nghĩa có ba:

a) Chân đế duyên khởi tức không, thì chẳng phải ra đời, chẳng phải Bát-niết-bàn. Nên Đại kinh nói: Như lai không ra đời, cũng không có Niết-bàn.

b) Tục đế chân như duyên khởi: Cho nên niệm niệm, xứ xứ đều xuất hiện, niệm niệm xứ xứ đều Niết-bàn. Đại kinh lại nói: Bồ-tát nên biết, niệm niệm tự tâm thường có Phật thành chánh giác, như tự tâm tất cả tâm chúng sinh cũng giống như thế, tức là niệm niệm. Lại nói: Nên biết không có một chút hư không nào không có thân Phật, tức là xứ xứ. Niết-bàn tức là như trên khắp tất cả nơi thân Phật xuất hiện, đã là tướng của duyên khởi hữu vi, niệm niệm liên sinh liên diệt, bốn tướng đồng thời, nay vì sinh sinh liên diệt, vì niệm niệm xứ xứ đều nhập Niết-bàn.

c) Y theo Đệ nhất nghĩa đế: Chính là thường trụ thế, thường Niết-bàn. Nghĩa là vắng lặng mà thường chiếu là trụ thế, chiếu mà thường vắng lặng là Niết-bàn.

Đối căn cơ: cơ duyên cảm thì xuất hiện dưới cây Bồ-đề, cơ duyên hết thì Niết-bàn giữa song lâm. Nên Đại kinh chép: Nay tác Phật tử! Chư Phật, Như lai vì khiến chúng sinh sinh tâm ưa thích nên xuất hiện ra đời, muốn khiến cho chúng sinh sinh tâm luyến mến nên thị hiện Niết-bàn, thí như mặt trời mọc chiếu khắp trong các châu nước sạch ở thế gian, đúng ý kinh này phối hợp giải thích nên biết. Song ba quán này tuy mỗi quán có tướng chứng, nhưng lý thật khắp tu mới khế hợp viên giác Như văn trước nói:

68. Tu xen lẫn ba quán:

Ba Tu xen lẫn ba quán, vẫn có ba:

1. Nói về tu quán không thành.

Nếu chúng sinh độn căn ở đời mạt pháp sau này, tâm muốn cầu đạo không được thành tựu, bậc hạ trong bậc hạ năng lực không tùy tâm.

2. *Dạy sám hối dứt trừ hoặc nghiệp.*

Do nghiệp chướng xưa phải siêng sám hối, thường khởi hy vọng, trước dứt yêu ghét, ganh ghét, đua nịnh, cầu tâm thù thắng cao thượng, lại phát thệ nguyện quyết tâm muốn chứng. Gia công khích lệ, chí cầu sám hối nghiệp chướng, dứt các sai lầm. Trong luận cũng chép: Nếu người tu hành tín tâm, do tội nghiệp từ đời trước quá nhiều làm chướng ngại, nên phải mạnh mẽ lễ bái, sám hối...

3. *Dạy tùy tiện tu xen lẫn.*

Ba thứ tịnh quán, tùy học một quán, quán này không được, lại tập quán kia, tâm không buông bỏ, thứ lớp cầu chứng. Có người bị sắc tướng làm trở ngại, quán không tĩnh khó thành, trước quán sắc huyễn, huyễn tức hoàn toàn không, tĩnh quán mới thành. Lại có người chấp định là thật sắc, ngại ở tâm thức, khó tu huyễn quán, trước biết thể kia vốn không mà không ngại thấy tướng, mới thành giả huyễn. Lại có người trong tu khó thành dứt đối đãi, trước biết giả hoàn toàn không mà vô giả, không hoàn toàn giả mà chẳng phải không. Không giả đều không, bật dứt ở đối đãi, mới thành vắng lặng. Lại, có người thấy thẳng nguồn tâm, mới biết các pháp tức tánh nên không, không hoại tướng nên giả, hoặc chỉ từ tánh hiện nên giả, không có sở hiện khác nên không, trước sau nương nhau như các luân nói. Trong kệ khen ngợi có hai, hoàn toàn giống như văn xuôi.

69. *Đức Phật nói kệ:*

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

*Viên giác ông nên biết
Tất cả các chúng sinh
Muốn cầu đạo Vô thượng
Trước phải kết ba kỳ.*

- Kỳ là hạn.

Sám hối nghiệp vô tử, trải qua hăm một ngày, sau đó chánh suy nghĩ.

Tu hành trong thời hạn.

Chẳng phải cảnh sở văn, cuối cùng không đáng chấp, răn nhắc chấp lấy tà chứng.

Xa-ma-tha chí tĩnh, Tam-ma chính ghi nhớ.

Thiền-na rõ nhiều môn, ấy gọi ba tịnh quán.

Nếu siêng năng tu tập, ấy gọi Phật ra đời.

Độn căn chưa thành thực, thường nên siêng sám hối, tất cả tội vô

thỉ, các chương nêu tiêu diệt.

Cảnh Phật liên hiện tiền.

Cùng tu kết thúc trước và pháp an cư, Văn xuôi có, kệ không. Cảnh Phật xuất hiện, trước Văn xuôi, sau kệ, ngoài ra chỉ có văn sơ lược.

70. Phần lưu thông:

Đoạn văn lớn thứ ba là phần lưu thông, nghĩa là phần chánh tông pháp nghĩa đã rộng khắp, muốn khiến cho lợi ích rộng lớn nơi khác, thắm nhuần lưu truyền đời vị lai thông thái xoay vần vô cùng, nên có phần này, đều không có người truyền là không lưu truyền, truyền thì không trụ, không trệ. Truyền gặp chướng nạn là không thông. Thông thì không lấp không bí, văn có năm:

1. Vui mừng nghe pháp sâu xa, thưa hỏi phần lưu thông.
2. Tỏ ý khen ngợi lắng nghe, giao cảm lưu thông.
3. Y vào lời hỏi nên nói nội hộ lưu thông.
4. Bấm mạng gia vệ, ngoại hộ lưu thông.
5. Chúng đương thời thọ trì, tổng kết lưu thông.

Ban đầu văn có ba đoạn: giống như trên.

71. Bồ-tát Hiền Thiện Thủ xin Phật khai ngộ pháp không thể suy nghĩ bàn luận:

* Một. Bấy giờ, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: rất dễ hiểu.

* Hai: chính thức trình bày, trong đó có hai:

1. Vui mừng nghe giải thích.

Xin Đức Đại bi Thế Tôn rộng vì chúng con và chúng sinh đời mạt pháp, khai ngộ việc không thể suy nghĩ bàn luận như thế, gần chúc mừng đạo tràng xa trùm một bộ.

2. Thưa hỏi năng thuyên.

Thế Tôn, giáo pháp Đại thừa này, trong phần chánh tông chỉ hỏi pháp nghĩa sở thuyên, pháp nghĩa tuy đã đầy đủ. Phàm tâm khó có thể nhậm trì, khi nghe lãnh hội rõ ràng. Sau đó sợ lại quên lãng, sự phải giữ gìn giáo pháp, đem giáo pháp truyền bá thông suốt. Văn này không mất, theo văn hiển nghĩa, nương nghĩa khởi quán, mới thành tu hành chân chánh, nên đây hỏi về kinh giáo.

Danh tự là gì? Hiểu nghĩa trước phải biết tên, quên tên thì nghĩa không rõ, vâng giữ như thế nào? Trước tuy đã nói trì pháp, nay hỏi trì giáo.

Chúng sinh tu tập được công đức gì, y theo lý tu hành chứng Thánh, đã biết công đức vô biên, thọ trì danh giáo, sợ không lợi ích nên hỏi.

Vì sao dạy ta che chở người trì kinh? Dạy các Bồ-tát chúng ta... ở đời mạng pháp, hộ vệ người thọ trì kinh này? Truyền bá giáo này đến nơi nào? Mười pháp hạnh. Hoặc người một bề đối với kinh giáo liễu nghĩa này, cúng dường, viết chép, bố thí, thích thọ, chánh thọ, đọc tụng, giảng nói, giải thích, suy nghĩ, tu hành, phân bố, truyền bá như thế, chẳng hay trí tuệ, công đức của người này rốt ráo đến địa vị nào? Dưới đây là ba lần xương mô phỏng theo trước.

72. Phật hứa khả nói pháp:

Nói lời như thế xong, năm vốc gieo sát đất, ba lần thỉnh như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ rằng: Lành thay, lành thay! Này người thiện nam! Ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạng pháp, hỏi Như lai về danh tự, công đức kinh giáo như thế! Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho: bấy giờ, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vui mừng vâng lời dạy và các đại chúng im lặng lắng nghe.

Kế là Y lời hỏi nên nói, văn có hai:

1. *Nêu người năng thuyết, năng hộ.*

73. Kinh này được chư Phật ba đời nhiều như số cát sông Hằng nói ra và giữ gìn:

Này người thiện nam! Kinh này do trăm ngàn muôn ức chư Phật nhiều như cát sông Hằng nói ra, nói kinh này Phật đã là chân thân, chân thân vô ngại trần sa đồng thể, nên nói một tức là nói nhiều. Kinh Hoa Nghiêm chép: Các Đức Như lai trong mười phương đồng một pháp thân. Nhất tâm nhất trí tuệ, lực vô úy cũng như thế, lại kinh bất liễu nghĩa thì tùy phương có nói, không nói. Giáo pháp liễu nghĩa không Phật thì không nói, như Hoa Nghiêm chép: ta không thấy có cõi nước Phật, chẳng nói kinh này...

Được Như lai trong ba đời giữa gìn, cũng như kinh Hoa Nghiêm chép: Chư Phật của chúng ta hộ trì pháp này, khiến tất cả Bồ-tát đời vị lai chưa từng nghe thấy đều được nghe.

Chỗ quy y của Bồ-tát mười phương, trong nhân hạnh đều từ đây mà thành Phật.

Nhãn mục thanh tịnh của mười hai bộ kinh, vì suy cho cùng thì mê vốn chiếu suốt nguồn giác, là dùng lý xuyên suốt nghĩa các kinh đều cùng tận, như thế nếu hiểu thì các giáo sáng bừng lên, nếu không hiểu thì làm sao biết chánh đạo? Nên nói nhãn mục.

2. *Trả lời pháp sở thuyết, sở hộ, văn có năm:*

- Trả lời danh tự.
- Trả lời sở chí
- Trả lời vâng giữ
- Trả lời công đức
- Trả lời hộ trì.

a) Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, cũng gọi là Tu-đa-la Liểu Nghĩa. Kinh có năm tên.

b) Tên đã giải thích, cũng gọi Bí mật vương Tam-muội, chẳng phải pháp khí thì không nghe được gọi là bí, tùy theo pháp khí khác nhau mà nghe gọi là mật, tên Tam-muội kia có nhiều vô lượng. Tam-muội Viên giác là gốc, nên gọi là vương.

Cũng gọi là Như lai quyết định cảnh giới: Chỗ chứng cùng tốt. Cũng gọi là Như lai tạng tự tánh sai biệt, Như lai tạng tức là tên của viên giác tại triển, vọng không thể thay đổi gọi là tự tánh, tùy duyên khởi vọng gọi là khác nhau. Lại, không Như lai tạng, bất không Như lai tạng, tức là khác nhau.

Ông nên vâng theo hành trì: Dạy khiến nương vào danh nghĩa này mà hành trì. Nghĩa là người đã ngộ thì văn tánh lia mà trì pháp, người chưa ngộ không lia văn mà trì nghĩa, là tướng của vâng giữ. Nhưng trả lời câu hỏi vâng giữ, hoặc dùng văn hiển bày thì không ngại. Nhân nói tên kinh, nương vào thế văn mà trả lời ở đây, nếu dùng nghĩa để cầu thì ở trong môn đốn tiệm ở sau.

Kế là trả lời chỗ đến, văn có hai:

a. *Nêu hạnh sở y:*

74. Kinh này chỉ bày cảnh giới Như lai:

Này người thiện nam! Kinh này chỉ bày cảnh giới Như lai, chỉ có Phật, Như lai có khả năng nói hết. Trước nói giác địa thanh tịnh của các chúng sinh này. Lại nói vô minh, tham ái, bốn tướng, bốn bệnh. Nay nói chỉ hiển bày cảnh giới Như lai, câu sau tự giải thích. Chỉ có Phật năng thuyết, nên nói vô minh... đều không thật có, chính là cảnh Phật. Cảnh Phật nếu không hiển bày thì chúng sinh đâu thể đều không, nêu chúng sinh chẳng không thì đâu thấu suốt giác địa? Nên tín vị trong Hoa nghiêm tức là cảnh Phật sâu xa. Tuy trí và tri khác nhau, nhưng đều là cảnh giới Phật, là ý này.

b. *Nương tu sở chí:*

Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương đây tu hành là mười pháp hạnh.

Từ từ tiến đến Phật địa, do kinh chỉ hiển bày cảnh Phật nên tu sẽ đến Phật địa.

Kế là trả lời vâng giữ, vẫn có hai:

1. *Pháp:*

75. Kinh này là Đại thừa Đốn giáo:

Này người thiện nam! Kinh này gọi là Đại thừa đốn giáo, chúng sinh đốn cơ nhờ đây khai ngộ, cũng nhiếp tất cả các phẩm tiệm tu. Tông là đốn giáo, sự đủ tiệm môn, đã đốn, tiệm đều thâm, thì chậm mau đều được lợi ích. Nhập và không nhập đều hãy lưu tâm, nên trong phần chánh tông có chia thượng, trung, hạ.

2. *Dụ:*

76. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

Thí như biển lớn không nhường dòng nhỏ, nói tiệm giáo thì trái đốn giáo, đốn môn phải đủ tiệm môn.

Cho đến muối mòng: Ở đây dụ cho Nhị thừa, thọ trì, và A-tu-la: ở đây dụ cho Bồ-tát thọ trì, uống nước ấy đều được đầy đủ, biển lớn có nước vô lượng, uống thì lượng bụng nhiều ít. Viên giác có vô biên pháp môn, lãnh thọ thì tùy căn khí đốn tiệm.

Kế là trả lời công đức: vẫn có ba:

1. So sánh bố thí tài bảo với nghe kinh cao quý, ý nói phước kia, dùng phước so sánh.

2. Lấy việc độ người so sánh với nói kinh cao quý, ý nói trí kia. Chẳng có trí không thể độ người, lại người nghe giả khiến thể không hiểu, cũng sinh vật ấy. Lại người nghe dù không hiểu nhưng cũng sinh phước. Người nói thì không gì không hiểu, nên chỉ có trí.

3. Dùng nhân đời trước trở lại nghiệm xét, hiển bày tin kinh cao quý đều nói phước trí. Trong phần đầu có hai:

a) *Nêu kém.*

77. Công đức cao quý được nghe kinh này:

Này người thiện nam! Giả như có người, thuần chất bảy báu đầy tam thiên đại thiên thế giới, để bố thí, chứa phước nhiều như thế nào phải biết.

b) *Nói lên sự cao quý.*

Không bằng có người nghe tên kinh này và nghĩa một câu, như kinh Kim cương so sánh văn ví dụ. Nghĩa là vật báu ở đời đầy cõi nước có thể giúp cho quả hữu lậu quả, một lời diệu pháp quyết được quả báo Bồ-đề.

- Lấy việc độ người so sánh, nghĩa là trước đem phước kém hiển

bày phước thù thắng, ở đây dùng trí kém hiển bày trí thù thắng, vẫn có hai:

1. Nêu kém:

Này người thiện nam! Nếu có người dạy bảo trăm Hằng hà sa chúng sinh được quả A-la-hán, thì phải biết chứa nhóm công đức nhiều như thế nào.

2. Nói lên sự cao quý.

Không bằng có người giảng nói kinh này, phân biệt nửa bài kệ, hoặc cả bài kệ, đó là bốn câu; Câu có hai thứ, là văn cú và nghĩa cú. Nếu nói về văn cú, tức là hai câu là nửa bài kệ, hoặc nói theo nghĩa cú, tức là nói tất cả pháp xưa nay vắng lặng, là nửa bài kệ. Nói rõ thể “không” là bất “không” mới là cả bài kệ, hoặc vô thường, chân thường làm nửa bài kệ và cả bài kệ.

78. Nói lên ton kinh cao siêu:

- Do nhân đời trước nói lên tin kinh cao siêu.

Cả hai nói về phước trí, văn kinh tự hiển rõ, vẫn có hai:

1. Nói về nghe tin: Này người thiện nam! Nếu lại có người, nghe tên kinh này tín tâm, không mê lầm.

2. Nghiệm xét nhân đời trước, vẫn có hai:

Trở lại nói rõ:

Nên biết người này, chẳng phải đối với một Đức Phật, hai Đức Phật gieo trồng các phước tuệ.

Thuận nói:

Như thế cho đến đối với tận số cát sông hằng tất cả các Đức Phật, trồng các gốc lành, nghe kinh giáo này, cũng như thế văn Kim cương, nhưng tin tông này thì chắc chắn là tin hiểu. Tín bao trùm biển quả không phải duyên nhỏ, nên nghiệm nhân đời trước, cũng chẳng xem thường người.

Kế là trả lời hộ trì:

79. Phật bảo Bồ-tát nên hộ trì người tu hành đời Mạt pháp:

Thiện nam! Các ông nên hộ trì những người tu hành đời mạt pháp này, vì làm cho ác ma và các ngoại đạo, não loạn thân tâm người ấy làm cho lui sụt. Trước hỏi hộ trì như thế nào? Nay trả lời ý rằng: Không để cho ác ma ngoại đạo làm não loạn thân tâm, tức là hộ trì. Nhưng làm não loạn thân tâm đều chung cho tà ma ngoại đạo, nếu phối hợp nghĩa ấy thì ngoại đạo dùng tà trí mê hoặc người khiến nghi, đó là não loạn tâm. Ma dùng thần lực gây ra nhiều việc không yên, cho đến bệnh... là não thân. Nên kinh nói các ma ấy ưa sinh tử. Ngoại đạo: chấp đắm

các kiến... Hai việc đều làm cho tâm ban đầu của người tu hành lui sụt. Thật nhờ hộ trì.

(Vâng) bầm mạng ngoại hộ, vẫn có ba:

1. Chúng lực sĩ:

Lúc bấy giờ, trong hội có Hỏa Thủ: Thủ là đầu, vì trên đầu có ngọn lửa. Kim cương: Vì cầm chày này, nếu lấy tên thì gọi là lộ kiên thân. “Tồi toái Kim cương Ni-lam-bà” không rõ đời Đường dịch là gì.

80. Tám muôn vị Kim cương cũng phát nguyện hộ trì:

Tám muôn vị Kim cương như Kim cương... và quyến thuộc, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp về sau, có thể thọ trì Đại thừa quyết định này thì chúng con sẽ gìn giữ như giữ gìn tròng mắt, cho đến chỗ đạo tràng tu hành. Chúng con Kim cương tự lãnh đồ chúng, sớm tối che chở không để cho lui sụt: Vị thần này lúc mới phát tâm thường phát đại nguyện, nguyện làm lực sĩ che chở người tu hành.

Nhà kia: là chúng tại gia.

81. Kết quả của việc hộ trì:

Cho đến không bao giờ xảy ra tai nạn, chướng ngại, tật bệnh tiêu diệt: Hễ phát đại tâm thì thường có chướng nạn, chướng nạn nhiều thứ lược nêu tai họa bệnh tật, nên nói cho đến. Nay được thần che chở tất cả đều tiêu trừ.

Tài bảo dồi dào: giúp duyên tu đạo, không cần phải giàu có mới gọi là dồi dào, nên kế chỉ nói: Thường không thiếu thốn, không thiếu hụt. Thẳng đến diệu môn không lui sụt.

82. Các vị khác cũng phát nguyện hộ trì:

2. Chúng Thiên vương.

Lúc bấy giờ, vua Đại Phạm: Chỉ riêng vua cõi Sơ thiên, đứng đầu thế giới Ta-bà.

Vua hai mươi tám tầng trời: Chỉ chung ba cõi.

Và núi chúa Tu-di: Gọi riêng trời Đế Thích.

Hộ quốc Thiên vương... chỉ riêng bốn vua. Nêu riêng ba loại ấy, vì Phạm vương và Đế Thích, khi chư Phật xoay bánh xe pháp đều là thỉnh chủ, che chở thế gian, giữ gìn đất nước, khiến tai hại không sinh, ngoài việc nêu chung còn nói riêng.

Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con cũng che chở người trì kinh này, thường giúp cho an ổn, tâm không lui sụt, là

nói về che chở.

3. *Chúng quý vương.*

83. Các quý vương cũng phát nguyện hộ trì:

Lúc bấy giờ, có quý vương Đại lực, tên là Cát-bàn-trà, cũng gọi là Cửu-bàn-trà, ăn tinh huyết người, quý này đi nhanh như gió, biến hóa rất nhiều, trụ trong rừng vắng, cai quản các chúng quý, nên hiệu là vương, đi đến đạo tràng làm người đứng đầu.

Cùng mười muôn quý vương, có mười muôn vị, nhất nhất như ở đây, dựa vào núi sâu hoặc ở hang sâu, hình dáng quý này đáng sợ, thường hay thay đổi, không thuộc trời người, sống trong đường quý.

Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, bạch Phật rằng: con cũng giữ gìn là người trì giới kinh, sớm chiều bảo vệ không để lui sụt, không có chướng nạn nên không lui sụt.

Chỗ người kia ở, trong một do-tuần: Một do-tuần là bốn mươi dặm, có chỗ nói mười sáu dặm.

Nếu có quý thần nào xâm phạm cảnh giới người ấy, thì con sẽ làm cho họ bị nghiền nát như bụi nhỏ. Nghiền nát cảnh giới quý thần là che chở tâm Bồ-đề của Phật.

Kế là Chúng đương thời thọ trì.

84. Đại chúng trong hội thọ trì:

Phật nói kinh này rồi, tất cả Bồ-tát, trời rồng, quý thần, tám bộ quyến thuộc, và các Thiên vương, Phạm vương, tất cả đại chúng nghe Phật nói rồi đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm. Kinh Văn-thù Sở Vấn chép: Có ba thứ nghĩa vui mừng vâng làm:

1. Người nói thanh tịnh, không bị chấp đắm danh lợi làm nhiễm.
2. Những điều nói ra thanh tịnh, vì đúng như thật biết pháp thể.
3. Được quả thanh tịnh, tức là lợi ích.

Kê:

*Tự nhớ vô thỉ mê biển tâm
Nhiều kiếp trôi nổi sóng sinh tử
Chư Phật như Bụi hiện trong người
Cây nổi rùa mù khó gặp được.
May sao thân này gặp giáo pháp
Nghìn lớp nghi trệ đều tiêu tan
Suy nghĩ nhiều đời chứa hiểu biết
Hổ thẹn Thiện tri thức nhiều đời.
Thượng sĩ từ bi thương đời mạt pháp*

*Đầu cuối thứ lớp hỏi ý kiến
Năng nhân cảm ứng xứng nguồn tâm Đầu cuối không
ngăn liền giảng nói. Đã nắm các nơm gõ lạng chân
Tùy ý chỉ Thánh giải văn này
Hồi hướng công đức khắp chúng sanh Đồng nhập kho
ánh sáng thần thông.*
